

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la bày trận muốn đánh nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nói với A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la:

“Chúng ta không được sát hại nhau, chỉ nên dùng lý luận nghị để khuất phục.”

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

“Giả sử cùng nhau luận nghị, nhưng ai sẽ làm chứng để biết lý đó là thông suốt hay bế tắc?”

Thiên đế Thích trả lời:

“Trong chúng chư Thiên tự có người trí tuệ sáng suốt, sẽ ghi nhận điều này. Trong chúng A-tu-la cũng lại tự có người sáng suốt ghi nhận.”

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

“Được vậy.”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Các ông có thể lập luận trước, sau tôi sẽ theo đó lập luận, thì không khó.”

Khi ấy, vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ lập luận:

*Nếu tôi hành nhẫn nhục,
Thì việc này thiếu sót,
Người ngu si sẽ bảo,
Vì sợ nên nhẫn nhục.*

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ đáp:

*Giả sử người ngu si,
Nói vì sợ nên nhẫn.
Và kẻ không nói kia,
Tổn thương gì đạo lý?
Nên tự xét nghĩa này,
Cũng nên xét nghĩa kia,
Ta, người đều được an,
Nhẫn nhục là tối thượng.*

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nói kệ:

*Nếu không chế ngu si
Thì ngu si hại người.*

*Giống như trâu hung dữ,
Chạy xông theo húc người.
Cầm roi mà áp chế,
Vì sợ, sẽ khuất phục.
Cho nên giữ chặt roi,
Chiết phục kẻ ngu kia.*

Đế Thích lại nói kệ:

*Tôi thường xem xét họ,
Chiết phục kẻ ngu kia,
Người ngu nổi sân nhuế,
Người trí giữ điềm tĩnh.
Không sân cũng không hại,
Thường câu hữu Hiền thánh,
Tội ác khởi sân nhuế,
Cứng chắc như núi đá.
Tự giữ cơn giận lại,
Như điều xe ngựa sống,
Ta nói người khéo điều,
Chẳng phải người cầm dây.*

Bấy giờ, trong chúng trời có vị trời trí tuệ, trong chúng A-tu-la cũng có vị A-tu-la trí tuệ, đối với kệ này suy xét, cân nhắc, quan sát, tự nghĩ: ‘Bài kệ của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói cuối cùng lúc nào cũng chỉ khởi lên chiến đấu, tranh tụng. Nên biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la luôn luôn dạy người chiến đấu, tranh tụng, còn bài kệ của Thích Đề-hoàn Nhân cuối cùng lúc nào cũng muốn dứt chiến đấu, tranh tụng, nên biết trời Đế Thích luôn luôn dạy người đừng chiến đấu, tranh tụng. Nên biết Đế Thích khéo lập luận thù thắng.’

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân nhờ nghị luận đúng nên hàng phục được A-tu-la. Nay các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của cõi trời Tam thập tam, an trú nơi thiện nghị luận, khen ngợi những thiện nghị luận. Cũng nên như vậy, Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên an trú nơi thiện nghị luận và khen ngợi những thiện nghị luận. Nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1110. CỘT TRÓI²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ có Thiên đế Thích và A-tu-la bày trận muốn đánh nhau. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư Thiên cõi trời Tam thập tam:

“Hôm nay chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại, thì sẽ bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói chặt năm chỗ, đem về Thiên cung.”

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo các A-tu-la:

“Hôm nay chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, nếu A-tu-la thắng, chư Thiên bại, thì sẽ bắt sống Thích Đề-hoàn Nhân, trói chặt năm chỗ, đem về cung A-tu-la.”

Đang lúc họ đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la bị bại. Khi ấy, chư Thiên bắt được vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, lấy dây trói lại năm chỗ đem về Thiên cung, cột dưới cửa, trước điện Đoán pháp²⁶ của Đế Thích. Khi Đế Thích ra vào cửa này, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị cột ở bên cửa tức giận, mạ lỵ. Lúc đó người hầu cận của Đế Thích thấy vua A-tu-la thân bị trói năm vòng, cột bên cửa, thấy Đế Thích ra vào thì nổi giận mạ lỵ, liền làm bài kệ:

*Nay Đế Thích sợ nó,
Vì không đủ sức chằng,
Nên nhân A-tu-la,
Mắng chưởi trước mặt mình?*

Đế Thích liền đáp:

²⁵. Pāli, S.11.4. Vepacitti. Biệt dịch, N^o100(39); N^o125(34.8).

²⁶. Đoán pháp điện 斷法殿. Pāli: Sudhammasabha (Thiện pháp đường).

*Không vì sợ nên nhẫn,
Không phải sức không đủ.
Có người trí tuệ nào,
Tranh cãi với kẻ ngu.*

Người hầu cận lại tâu:

*Nếu chỉ hành nhẫn nhục,
Sự việc tất thiếu sót.
Kẻ ngu si sẽ bảo,
Vì sợ nên nhẫn nhục.
Cho nên phải khổ trị,
Dùng trí chế ngu si.*

Đế Thích đáp:

*Ta thường xem xét kia,
Chế ngự kẻ ngu kia.
Thấy người ngu nổi sân,
Trí dùng tĩnh chế phục.
Không sức mà dùng sức,
Là sức kẻ ngu kia.
Ngu si trái xa pháp,
Thời với đạo không có.
Giả sử có sức mạnh,
Hay nhẫn đối người yếu,
Thì nhẫn này tối thượng.
Không sức sao có nhẫn?
Bị người mạ nhục quá,
Người sức mạnh hay nhẫn,
Đó là nhẫn tối thượng.
Không sức làm sao nhẫn?
Đối mình và với người,
Khéo làm chủ sợ hãi,
Biết kia nổi sân nhuế,
Mình lại giữ an tĩnh.
Đối hai nghĩa đều đủ,
Lợi mình cũng lợi người.*

*Gọi là kẻ ngu phu,
Do vì không thấy pháp.
Ngu bảo mình thắng nhân,
Càng tăng thêm lời ác.
Chưa biết nhân mạ ly,
Đối kia thường đắc thắng.
Nhân đối người hơn mình,
Đó là nhân do sợ.
Hành nhân, đối người bằng,
Đó là nhân tránh nhân,
Hành nhân, đối người thua,
Đó là nhân tối thượng.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, thường hành nhân nhục, khen ngợi nhân nhục. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên nhân nhục như vậy và khen ngợi nhân nhục, nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 111. KÍNH PHẬT²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa, rồi tâu với Đế Thích:

“Thưa Câu-thi-la, đã sửa soạn xe cộ xong, xin vua biết thời.”

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng²⁸, hướng về phía

²⁷. Pāli, S. 11.19. Sattthāravandana. Biệt dịch, N^o100(40).

Đông chấp tay lễ Phật. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế Thích thấy người đánh xe sanh lòng kinh hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

*Ông thấy gì lo sợ
Để roi ngựa rớt đất?*

Người hầu cận nói kệ tâu Đế Thích:

*Thấy vua Thiên đế Thích,
Là chồng của Xá-chỉ²⁹,
Cho nên sanh sợ hãi,
Roi ngựa rớt xuống đất!
Thường thấy Thiên đế Thích,
Được toàn thể đại địa,
Vua lớn, nhỏ, trời, người,
Cùng bốn Chúa hộ thế³⁰,
Thiên chúng Tam thập tam,
Thảy đều lễ cung kính.
Còn nơi nào tôn hơn,
Đáng tôn đối Đế Thích?
Mà nay hướng về Đông,
Chấp tay để kính lễ.*

Lúc ấy, Đế Thích nói kệ đáp:

*Thật, ta đối tất cả,
Vua lớn, nhỏ thế gian,
Cùng bốn Chúa hộ thế
Thiên chúng Tam thập tam,
Tối tôn, Chúa của họ,
Nên họ đến cung kính.
Nhưng thế gian lại có,
Đấng Chánh Giác tùy thuận,*

²⁸. Thường thắng điện 常勝殿. Pāli: Vejayantapāsādo, cung điện Chiến thắng.

²⁹. Xá-chỉ chi phu 舍脂之夫; một tên khác của Đế Thích. Pāli: Sūjampati.

³⁰. Hộ thế chúa 護世主; chỉ cho bốn Đại thiên vương.

*Là Thầy cả chư Thiên,
Nên ta cúi đầu lễ.*

Người đánh xe lại tâu:

*Đó chắc hơn thế gian,
Nên khiến Thiên đế Thích,
Cung kính mà chấp tay,
Cúi đầu lễ hướng Đông.
Nay con cũng nên lễ,
Đấng vua Trời đã lễ.*

Khi ấy Đế Thích, chồng của Xá-chủ, nói kệ lễ Phật như vậy, rồi lên xe ngàn ngựa đến dạo xem vườn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia là vua Tụ tại của trời Tam thập tam còn cung kính Phật, cũng lại khen ngợi sự cung kính Phật. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên cung kính Phật như vậy, cũng nên khen ngợi sự cung kính Phật. Nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1112. KÍNH PHÁP³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:

Bấy giờ, Thiên đế Thích bước xuống điện Thường thắng, chấp tay hướng về hướng Đông kính lễ Tôn pháp... cho đến Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

³¹. Pāli, không thấy nội dung tương đương. Cf. S.11.18. Gahaṭṭhavandana. Biệt dịch, N^o100(41).

Tôi nghe như vậy³²:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói đầy đủ như trên nhưng chỉ có sự sai khác là:

Bấy giờ, Thiên đế Thích nói ra kệ trả lời người đánh xe:

*Ta thật Vua cõi đất,
Vua lớn nhỏ thế gian,
Và bốn Chúa hộ thế
Thiên chúng Tam thập tam.
Được tất cả như vậy,
Đều tôn trọng, cung kính.
Nhưng có tịnh giới kia,
Luôn luôn vào chánh thọ,
Với chánh tín xuất gia,
Rốt ráo các phạm hạnh.
Nên ta đối với kia,
Tôn trọng cung kính lễ.
Lại điều phục tham, nhuế,
Vượt cảnh giới ngu si.
Tu học không buông lung,
Nên cung kính, lễ kia,
Tham dục, sân nhuế, si,
Đều dứt hẳn không dẫm.
Lậu tận, A-la-hán,
Lại nên kính lễ kia,
Nếu người ở tại gia,
Phụng trì giới thanh tịnh,*

³². Đây là một kinh riêng biệt, nhưng bản Đại Chánh không ghi số. Ấn Thuận phân thành kinh riêng. Quốc Dịch phân thành kinh riêng và ghi tên kinh là “Kính Pháp”. Nội dung kinh này là kính pháp như giới thiệu trong kinh số 1112. Có lẽ nguyên thủy không có. Người sau, tìm thấy nội dung ở đâu đó nên bổ túc vào cho đủ tán Tam bảo.

Đúng như pháp Bố-tát³³

Cũng lại nên kính lễ.

Người đánh xe tâu Đế Thích:

Người này chắc hơn đời

Nên Thiên vương kính lễ.

Tôi cũng nên như vậy,

Kính lễ theo Thiên vương.

“Này các Tỳ-kheo, Thiên đế Thích chồng của Xá-chỉ kia kính lễ Pháp, Tăng, cũng còn khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng. Các ông đã chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà, cũng nên kính lễ Pháp, Tăng và khen ngợi người kính lễ Pháp, Tăng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1113. KÍNH TĂNG³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đi thăm công viên, sai người đánh xe sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa để đi thăm vườn. Người đánh xe vâng lệnh liền sửa soạn cỗ xe ngàn ngựa, rồi tâu với Đế Thích:

“Thưa Câu-thi-la, đã sửa soạn xe cỗ xong, xin vua biết thời.”

Đế Thích liền bước xuống điện Thường thắng³⁵, hướng về phía Đông chấp tay lễ. Bấy giờ, người đánh xe thấy vậy liền sanh lòng kính hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất. Khi ấy, Đế Thích thấy người đánh xe sanh lòng kính hãi, lông dựng đứng, roi ngựa rớt xuống đất, liền nói kệ:

³³. Pāli: (...) dhammena dāraṃ posenti, (những Ưu-bà-tắc) những pháp nuôi dưỡng vợ. Bản Hán hiểu posenti (nuôi dưỡng) như là (u)posatha (bố-tát).

³⁴. Pāli, S.11.20. Sakka-namassana. Biệt dịch, N^o100(42).

³⁵. Xem cht.28, kinh 1111.

*Các phương chỉ có người,
 Do thai sanh, xú uế,
 Thân ở trong thân thối,
 Đói khát thường thiêu đốt.
 Tại sao Kiều-thi-ca,
 Tôn trọng người không nhà?
 Vì tôi nói nghĩa này,
 Khao khát xin muốn nghe.*

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói kệ đáp:

*Ta chân thành kính lễ,
 Người xuất gia không nhà,
 Tự tại dạo khắp nơi,
 Không kể nơi đi, ở.
 Cảnh thành ấp, quốc độ,
 Không thể lụy tâm kia,
 Không chứa chất tư hữu,
 Một đi, không cố định.
 Bước đi không mong cầu,
 Chỉ vô vi là vui,
 Lời đã nói, là làm,
 Không nói, là tịch tịnh.
 Chư Thiên, A-tu-la,
 Họ cùng kinh chống nhau,
 Nhân gian tranh giành nhau,
 Nghịch nhau cũng như vậy.
 Chỉ có người xuất gia,
 Không tranh giữa người tranh;
 Với tất cả chúng sanh,
 Buông bỏ mọi đao gậy.
 Đói tài, lìa tài sắc,
 Không say, không mê đắm,
 Xa lìa tất cả ác,
 Cho nên kính lễ kia.*

Lúc ấy, người đánh xe lại nói kệ:

*Người được Thiên vương kính,
 Chắc là bậc hơn đời.
 Nên từ hôm nay con
 Sẽ lễ người xuất gia.*

Nói như vậy rồi, Thiên đế Thích lễ tất cả Tăng ở các phương, xong rồi leo lên xe ngựa dạo xem vườn rừng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi công đức cung kính Tăng. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên cung kính chúng Tăng và cũng nên khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
 *

KINH 114. TÚ-TỠ-LÊ³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh muốn đánh nhau với chư Thiên trời Tam thập tam. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân nghe vua A-tu-la khởi bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn đến gây chiến. Nghe rồi liền bảo Thiên tử Tú-tỳ-lê³⁷:

“Bố³⁸ biết không, A-tu-la đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, muốn gây chiến với trời Tam thập tam? Bố hãy ra lệnh chư Thiên cõi trời Tam thập tam đem bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la kia.”

³⁶. Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 11. 1. 1. Suvīra. Biệt dịch, N^o100(43).

³⁷. Tú-tỳ-lê Thiên tử 宿毘梨天子. Pāli: Suvīra-devaputta.

³⁸. Hán: a công 阿公. Pāli: tāta suvīra, từ xưng hô, gọi người lớn tuổi hơn, coi như cha. Cũng có thể gọi người nhỏ hơn: Con thân yêu!

Bấy giờ, Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Đế Thích trở về Thiên cung; biếng nhác, lơ lửng, không nỗ lực chuẩn bị. Quân A-tu-la đã ở đường lộ. Đế Thích nghe như vậy lại bảo Thiên tử Tú-tỳ-lê:

“Này Bố, quân A-tu-la đã ra giữa đường lộ, Bố hãy cấp tốc ra lệnh khởi bốn binh chủng ra đánh với A-tu-la.”

Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Đế Thích trở lại Thiên cung, biếng nhác, lơ lửng. Khi ấy vua A-tu-la đem quân áp sát. Thích Đề-hoàn Nhân nghe quân A-tu-la đã áp sát, lại bảo với Thiên tử Tú-tỳ-lê:

“Bố có biết chăng? Quân A-tu-la đã áp sát. Bố hãy cấp tốc ra lệnh chư Thiên khởi bốn binh chủng.”

Khi ấy Thiên tử Tú-tỳ-lê liền nói kệ:

*Nếu có nơi không khởi³⁹
Vô vi mà an vui;
Người được chỗ như vậy,
Không làm, cũng không lo⁴⁰.
Hãy cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an ổn.*

Lúc ấy, Đế Thích nói kệ đáp lại:

*Nếu có chỗ không khởi,
Vô vi mà an vui;
Nếu người được chỗ ấy,
Không làm, cũng không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

*Nếu nơi không phương tiện⁴¹,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.*

³⁹. Bất khởi xứ 不起處. Pāli: anuṭṭhaham; biếng nhác, không hăng hái, (do động từ uṭṭhahati = uṭṭhāti: đứng dậy, phấn khởi hay hăng hái).

⁴⁰. Pāli: anuṭṭhaham, avāyāmaṃ, sukham yātrādhigacchati, nói đến nơi nào mà ở đó không cần hăng hái, không cần nỗ lực, nhưng an vui.

⁴¹. Hán: vô phương tiện 無方便. Pāli: avāyāmaṃ, không nỗ lực.

*Hãy cho tôi chốn này,
Để tôi được an ổn.*

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

*Nếu nơi không phương tiện,
Không khởi, cũng không vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

*Nếu nơi không buông lung,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nên cho tôi nơi ấy,
Để tôi được an ổn.*

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

*Nếu nơi không buông lung,
Không khởi, mà an vui;
Nếu ai được chỗ ấy,
Thì không tạo, không lo.
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

*Biếng nhác, không phấn khởi,
Không biết làm, đã làm;
Nhưng hành dục hội đủ,
Nên cho tôi chỗ ấy*

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

*Biếng nhác, không phấn khởi,
Mà rất ráo an vui;
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.*

Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ:

*Không việc vẫn an vui,
Không làm, cũng không lo;
Nếu cho tôi chỗ ấy,
Để tôi được an vui.*

Lúc ấy, Đế Thích lại nói kệ:

*Nếu thấy hoặc lại nghe,
Chúng sanh không làm gì;
Nếu ông được chỗ ấy,
Hãy đưa ta đến đó.
Ông nếu sợ việc làm,
Chẳng nghĩ đến hữu vi;
Hãy nhanh chóng trừ sạch,
Là đường tắt Niết-bàn⁴².*

Khi ấy, Thiên tử Tú-tỳ-lê chuẩn bị bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, cùng đánh với A-tu-la, diệt hết quân A-tu-la. Chư Thiên đắc thắng trở về cung trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân khởi bốn binh chủng cùng chiến đấu với A-tu-la, nhờ tinh cần nên thắng trận. Nay các Tỳ-kheo, Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, thường nhờ phương tiện tinh cần, cũng thường khen ngợi đức tinh cần. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên tinh cần tinh tấn và khen ngợi tinh cần.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁴². Pāli: sace atthi akammena, koci kvaci na jivati; nibbānassa hi so maggo, suvīra tattha gacchāhi, nếu không có hành nghiệp, không có bất cứ ai tồn tại bất cứ đâu; con đường đó dẫn đến Niết-bàn, suvīra, hãy đi đến đó.

KINH 1115. TIÊN NHÂN⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, một tụ lạc nọ, có các Tiên nhân dừng nghỉ tại vùng đất trống bên cạnh tụ lạc ấy. Lúc đó chư Thiên và A-tu-la đang bày trận đánh nhau cách tụ lạc không xa. Bấy giờ, vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la đẹp đi năm loại trang sức⁴⁴, bỏ mũ Thiên quan, dẹp dù lọng, bỏ gươm đao, vứt quạt báu, cởi giày dép, đến chỗ ở các Tiên nhân kia. Vào trong cửa, nhìn khắp mà không ngó ngang các Tiên nhân, cũng không chào hỏi. Nhìn rồi trở ra.

“Khi ấy có một Tiên nhân từ xa nhìn thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đẹp đi năm thứ trang sức vào trong vườn, quan sát xong trở ra; thấy vậy, nói với các Tiên nhân rằng: ‘Đây là loại người gì mà dung sắc không trấn tĩnh, không giống như hình người, không đúng pháp oai nghi, giống như người quê mùa, không phải là con nhà trưởng giả; đẹp đi năm thứ trang sức, vào cửa vườn, nhìn quanh cao ngạo, mà không ngó ngang hỏi thăm các Tiên nhân?’

Có một Tiên nhân đáp rằng:

“Đó là Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la, đẹp đi năm thứ trang sức, vào xem xét rồi đi.”

Tiên nhân kia nói:

“Đây không phải Hiền sĩ, không tốt, bất thiện, không phải Hiền thánh, phi pháp, đẹp năm thứ trang sức đi vào trong cửa vườn nhìn quanh rồi ra về, cũng không hề để ý chào hỏi các Tiên nhân. Do đó mà biết Thiên chúng tăng trưởng, A-tu-la giảm sút.”

“Trong lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân thì cởi bỏ năm thứ trang sức, đi vào trú xứ của Tiên nhân, cùng với các Tiên nhân chào đón, thăm hỏi an úy nhau, sau đó trở ra. Lại có Tiên nhân thấy Thiên đế Thích cởi bỏ năm thứ trang sức vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả, thấy vậy hỏi các Tiên nhân: ‘Đây là người gì mà có dung sắc trấn tĩnh, dáng

⁴³. Pāli, S.11.9. Araññāyatana-isi; S.11.10. Samudaka. Biệt dịch, N^o100(44).

⁴⁴. Bản Pāli: mang nguyên cả giày, kiếm... mà vào. Bản Hán có thể nhầm.

vẻ đáng ưa, có vẻ oai nghi, không phải người quê mùa, tợ như con nhà trưởng giả; vào trong vườn rừng cõi bỏ năm thứ trang sức, đi vào cửa vườn thăm hỏi khắp cả, sau đó mới trở ra?’

Có Tiên nhân đáp: ‘Đây là Thiên đế Thích, cõi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả rồi sau đó trở ra.’

Tiên nhân kia nói: ‘Đây là bậc Hiền sĩ, thiện, tốt, chân thật, oai nghi, phép tắc, cõi bỏ năm thứ trang sức, vào trong cửa vườn thăm hỏi khắp cả, rồi sau đó mới trở ra. Vì vậy nên biết Thiên chúng tặng, chúng A-tu-la giảm.’

Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Tiên nhân kia khen ngợi chư Thiên; sau khi nghe, nổi giận ùng ùng. Lúc này cố vị Tiên nhân ở chốn hư không nghe vua A-tu-la nổi giận ùng ùng, liền đến chỗ A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ:

*Tiên nhân cố đến đây,
Cầu xin thí vô úy⁴⁵.
Nếu người thí vô úy,
Ban ân giáo Mâu-ni.*

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la dùng kệ đáp:

*Cho Tiên nhân các ông,
Không có thí vô úy.
Vì chống A-tu-la,
Mà gần gũi Đế Thích.
Thay vì cho vô úy,
Ta sẽ cho sợ hãi.*

Tiên nhân lại nói kệ:

*Tùy gieo trồng hạt giống,
Tùy loại sanh quả báo.
Ta cầu xin vô úy,
Chỉ lại cho kinh sợ.
Người sẽ sợ vô cùng.
Vì gieo giống kinh sợ.*

⁴⁵. Thí vô úy 施無畏. Pāli: abhayadakkhiṇa; các Tiên nhân này đến A-tu-la cầu xin cho mình sự an toàn.

“Sau khi các Tiên nhân ở trước vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chú xong, bay lên hư không đi mất. Ngay đêm ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lòng cảm thấy sợ hãi, ba phen trở dậy, trong giấc ngủ nghe âm thanh dữ rằng: ‘Thích Đề-hoàn Nhân sẽ cất bốn binh chủng đánh nhau với A-tu-la.’ Sau khi thức dậy, lòng cảm thấy kinh hoàng, sợ hãi, lo lắng là chắc chắn sẽ chiến bại, đành phải rút lui chạy về cung A-tu-la.

Bấy giờ, quân địch đã rút lui, đắc thắng rồi, Thiên đế Thích đi đến trú xứ các Tiên nhân nơi rừng vắng, lễ dưới chân các Tiên nhân, rồi lui ra bốn phía trước các Tiên nhân, hướng về Đông ngồi xuống. Lúc ấy gió Đông khởi lên, có một Tiên nhân liền nói kệ:

*Nay các ẩn sĩ này,
Xuất gia đã lâu ngày,
Nách rịn mồ hôi nươ,
Chở ngồi trước chiều gió,
Thiên Nhân hãy dời chỗ.
Ở đây hôi khó chịu.*

Thiên đế Thích nói kệ đáp:

*Dùng mọi thứ hương hoa,
Kết lại làm tràng hoa.
Nay hương tôi gửi được,
Còn thơm cả hương kia,
Dù ít gửi hương này.
Nhưng chưa từng ghê, chán.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích là vua Tự tại của cõi trời Tam thập tam mà cung kính người xuất gia, cũng thường khen ngợi người xuất gia, cũng thường khen ngợi đức cung kính. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà thường nên cung kính các bậc phạm hạnh, cũng nên khen ngợi đức cung kính.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1116. DIỆT SÂN⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, Thiên đế Thích đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật. Do thần lực của Đế Thích, ánh sáng từ thân tỏa ra chiếu khắp tinh xá Kỳ thọ. Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

*Vì giết hại những gì,
Mà ngủ được an ổn?
Vì giết hại những gì,
Mà được không lo sợ?
Vì sát hại những gì,
Được Cù-dàm khen ngợi?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hại sân nhuế, hung ác,
Mà ngủ được an ổn,
Hại sân nhuế, hung ác,
Tâm được không lo sợ.
Sân nhuế là rắn độc,
Chúng tử khổ tìm tàng.
Ta đã diệt chúng rồi,
Nên được không lo sợ,
Vì giống khổ đã diệt,
Nên được Hiền thánh khen.*

Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ lui ra.

**
*

⁴⁶. Pāli, S.11.21. Chetvā. Biệt dịch, N^o100(45).

KINH 1117. NGÀY MỒNG TÁM⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào ngày mồng tám mỗi tháng⁴⁸, bốn Đại thiên vương ra lệnh các đại thần đi xem xét nhân gian. Những người nào cúng dường cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, tôn kính tôn nhân, làm các phước đức; thấy ác đời này lo sợ tội đời sau, bố thí làm phước, thọ trì trai giới; vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm mỗi tháng và tháng thần biến⁴⁹, thọ giới, bố-tát.

“Đến ngày mười bốn⁵⁰ sai thái tử xuống quán sát nhân gian, những người nào phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát.

“Đến ngày mười lăm⁵¹: Tứ Đại thiên vương đích thân xuống thế gian xem xét chúng sanh, những người nào phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát.

“Này các Tỳ-kheo, lúc bấy giờ thế gian không có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát. Lúc này, Tứ Đại thiên vương đến giảng đường Tập pháp⁵², cõi trời Tam thập tam, thưa với Thiên đế Thích:

“Thiên vương nên biết, ngày nay thế gian không có nhiều người

⁴⁷. Pāli, A.3.37. Rājā. Biệt dịch, N^o100(46).

⁴⁸. Đây chỉ tháng mười lăm ngày, theo lịch cổ Ấn. Nếu theo ba mươi ngày, thì đây gồm ngày mồng 8 và 23. Pāli: aṭṭhamiyaṃ pakkhassa, ngày mồng 8 mỗi (nửa) tháng.

⁴⁹. Tháng thần biến 神變月 (Pāli: iddhimasā?); các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thân thông đi quan sát nhân gian. Bản Pāli không thấy nói các tháng này.

⁵⁰. Pāli: cātuddasiṃ pakkhassa, ngày thứ 14 mỗi (nửa) tháng, tức gồm ngày 14 và 29, hay 28 nếu tháng thiếu.

⁵¹. Pāli: uposathe pannarase, vào ngày trai giới, ngày thứ 15, tức ngày 15 và 30 hay 29 nếu tháng thiếu.

⁵². Tập pháp giảng đường 集法講堂; cũng gọi là Thiện pháp đường hay Chánh pháp đường. Pāli: Sudhamma-sabhā.

người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát.”

Bấy giờ Thiên chúng cõi trời Tam thập tam nghe như vậy không vui, quay lại nói với nhau:

“Người thế gian bây giờ không hiền, không thiện, không tốt, không ra gì, không hạnh chân thật, không phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát. Vì tội ấy nên chúng chư Thiên giảm và chúng A-tu-la càng ngày càng tăng thêm.”

“Này các Tỳ-kheo, thế gian lúc ấy, nếu có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát, thì Tứ thiên vương sẽ đến giảng đường Tập pháp, cõi trời Tam thập tam, bạch Thiên đế Thích:

“Thiên vương nên biết, thế gian ngày nay có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát.”

Lúc ấy tâm chư Thiên cõi Tam thập tam đều vui mừng quay lại bảo nhau:

“Ngày nay, các thế gian đều hiền thiện chân thật như pháp, có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... cho đến thọ giới, bố-tát. Nhờ phước đức này nên chúng A-tu-la giảm, chúng chư Thiên tăng thêm.”

Bấy giờ Thiên đế Thích biết các chúng chư Thiên đều vui mừng liền nói kệ:

*Người đến ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thân biến,
Trọ trì trai tám chi.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo cho các Tỳ-kheo những gì Thiên đế Thích kia đã nói kệ:

*Người, nếu ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thân biến,
Trọ trì bát trai giới.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.*

“Những lời nói này không hay. Vì sao? Vì Thiên đế Thích kia tự có tham, sân, si nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, lìa các gánh nặng, đoạn các hữu kết, tâm khéo giải thoát thì nói kệ này:

*Người, nếu ngày mồng tám,
Mười bốn, ngày mười lăm,
Và đến tháng thần biến,
Trọ trì bát trai giới.
Như ta đã từng tu,
Họ cũng tu như vậy.*

“Thì những lời nói như vậy mới là lời hay. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-la-hán đã lìa tham, sân, si, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên bài kệ này là những lời nói hay.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1118. BỆNH⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị bệnh rất nặng, đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, nói với Thích Đề-hoàn Nhân rằng: ‘Kiều-thi-ca, nên biết, hiện nay tôi đang bị bệnh rất nặng. Xin vì tôi trị liệu cho được an ổn.’

Thích Đề-hoàn Nhân nói với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: ‘Ông hãy trao huyễn pháp⁵⁴ cho ta, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.’

A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế Thích: ‘Tôi sẽ trở về hỏi chúng

⁵³. Pāli, S.11.23. Māyā. Biệt dịch, N^o100(47).

⁵⁴. Pāli: Sambarimāyā, huyễn thuật của Sambarā, (tên khác của Vepacitta, A-tu-la vương).

A-tu-la. Nếu bằng lòng, tôi sẽ trao huyền pháp của A-tu-la cho Đế Thích.’

Lúc ấy, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền trở về đến trong chúng A-tu-la, nói với các A-tu-la: ‘Mọi người nên biết, nay ta bệnh nặng, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân nhờ trị bệnh. Đế Thích nói ta rằng: ‘Ông hãy trao huyền pháp của A-tu-la cho ta, ta sẽ trị bệnh cho ông được an ổn.’ Bấy giờ, ta sẽ đi đến vì Đế Thích nói huyền pháp của A-tu-la.’

Khi ấy có một A-tu-la trá ngụy bảo với A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: “Thiên đế Thích kia là người chất trực, trọng tín, không hư dối. Chỉ nói với ông ta rằng: ‘Thiên vương, huyền pháp của A-tu-la nếu người nào học nó sẽ đọa vào địa ngục, chịu tội vô lượng trăm ngàn năm. Thiên đế Thích kia chắc chắn sẽ thôi, không còn ý muốn học nữa. Và ông ta sẽ bảo ông đi và sẽ khiến cho bệnh ông thuyên giảm, được an ổn.’”

Lúc này, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại đến chỗ Đế Thích nói kệ bạch rằng:

*Bậc Thiên vương Thiên Nhân,
Huyền thuật A-tu-la,
Đều là pháp giả dối
Khiến người đọa địa ngục,
Vô lượng trăm ngàn năm,
Chịu khổ không dừng nghỉ.*

Lúc ấy Thiên đế Thích bảo A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: ‘Thôi thôi, huyền thuật như vậy không phải là pháp ta cần. Ông hãy trở về, ta sẽ khiến cho thân bệnh của ông được lành, được an ổn khỏe mạnh.’

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại nơi cõi trời Tam thập tam, luôn luôn chân thật, không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên không hư, không ngụy, hiền thiện, chất trực nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1119. BÀ-TRÍ⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Một hôm, Thiên đế Thích cùng với Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bê-lư-xá-na⁵⁶ có diện mạo tuyệt đẹp, sáng sớm cả hai đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui ra một bên. Các ánh sáng từ thân Thiên đế Thích và Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bê-lư-xá-na, lúc ấy tỏa chiếu ra khắp vườn Cấp cô độc.”

Khi ấy Bà-trĩ A-tu-la vương, con trai của Bê-lư-xá-na nói kệ bạch Phật:

*Con người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Cần gì phải siêng năng⁵⁷?*

Lúc ấy, Thiên đế Thích lại nói kệ:

*Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi.
Lợi này đã đủ rồi,
Tu nhân không gì hơn.*

Nói kệ xong cả hai cùng bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bài kệ nào được khéo nói?”

Thế Tôn bảo:

“Những điều các ông nói, cả hai bài đều nói hay, nhưng bây giờ các vị hãy lắng nghe Ta nói:

⁵⁵. Pāli, S.11.8. Verocana-asurinda. Biệt dịch, N^o100(50).

⁵⁶. Bê-lư-xá-na tử Bà-trĩ A-tu-la vương 鞞盧闍那子婆稚阿修羅王 . Bản Pāli chỉ nói tên Verocana Asurinda, Cf, D.ii.259: satañca Baliputtānaṃ sabbe Verocanāmakā, một trăm con trai của Bali tất cả đều có tên là Vero (=Verocana). Hán, Bà-trĩ, liên hệ phiên âm của Bali.

⁵⁷. Pāli: nipphannasobhano attho, mục đích được sáng chói khi đã được hoàn tất.

*Tất cả loài chúng sanh,
Thấy đều cầu tự lợi.
Mỗi mỗi chúng sanh kia,
Đều mong điều mình cần.
Các hòa hợp thế gian,
Cùng với đệ nhất nghĩa⁵⁸,
Nên biết hòa hợp đời.
Vốn là pháp vô thường.
Nếu người cần siêng năng,
Để thỏa mãn điều lợi,
Lợi này thỏa mãn rồi,
Tu nhân không gì hơn.*

Sau khi Thiên đế Thích cùng với vua A-tu-la Bê-lư-xá-na nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thích Đề-hoàn Nhân là vua Tự tại của trời Tam thập tam, tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên tu hạnh nhẫn, khen ngợi nhẫn như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1120. THỆ ƯỚC⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một vị Thiên đế Thích bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn, hôm nay con thọ giới như vậy, cho đến khi Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’”

⁵⁸. Pāli: samyogaparamā tveva sambhogā, các thức ăn được chế biến (Hán: hòa hiệp) thượng diệu (Hán: đệ nhất nghĩa).

⁵⁹. Pāli, S.11.7. Nadubbiya. Biệt dịch, N^o100(48).

“Lúc ấy A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Thiên đế Thích thọ giới như vậy: ‘Cho đến lúc Phật pháp còn tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’ Nghe như vậy, bèn xách gươm bén ngược đường tới. Lúc này, Thiên đế Thích từ xa trông thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cầm gươm bén ngược đường tới, liền từ xa nói: ‘A-tu-la đứng lại, ông đã bị trói, không được cử động.’ Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền không cử động được; bèn nói với Đế Thích: ‘Ông nay há không thọ giới như vậy: ‘Nếu Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia’ hay sao?’

“Thiên đế Thích đáp: ‘Tôi thật thọ giới như vậy. Nhưng người tự đứng lại chịu trói.’

“A-tu-la nói: ‘Bây giờ hãy thả tôi ra.’

“Thiên đế Thích đáp: ‘Nếu ông hứa thề không làm loạn, ta sẽ buông tha ông.’

“A-tu-la nói: ‘Thả tôi ra, sẽ làm đúng pháp.’

“Đế Thích đáp: ‘Trước hết phải làm đúng như pháp, sau đó thả ông ra.’

“Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ:

*Chỗ tham dục rơi vào,
Chỗ sân nhuế rơi vào,
Chỗ vọng ngữ rơi vào,
Chỗ phạm Thánh rơi vào,
Nếu ta gây não loạn,
Ta sẽ rơi vào đó.*

“Thích Đề-hoàn Nhân lại nói: ‘Tha cho ông, tùy ý được an ổn.’

“Thiên đế Thích, sau khi bắt buộc vua A-tu-la phải ước thề xong, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở trước Phật thọ giới như vậy: ‘Cho đến Phật pháp tồn tại ở thế gian, suốt đời con, nếu có người nào xúc não con, con sẽ không xúc não lại người kia.’ Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe con thọ giới, tay xách gươm bén theo đường tới. Con trông thấy từ xa và bảo: ‘A-tu-la. Đứng lại. Đứng lại. Ông đã bị trói. Không được cử động’. A-tu-la kia nói: ‘Ông không có thọ giới sao?’ Con liền đáp: ‘Tôi

thật có thọ giới. Nay ông đứng lại nên bị trói, không được cử động.’ Vua A-tu-la xin được cứu thoát, con bảo hấn: ‘Nếu ước thề là không làm loạn thì người sẽ được cứu thoát.’ A-tu-la nói: ‘Hãy thả tôi ra, tôi hứa sẽ thề.’ Con liền nói: ‘Nói lời thề ước trước, sau đó thả ông.’ A-tu-la liền nói kệ ước thề:

*Chỗ tham dục rơi vào,
Chỗ sân nhuế rơi vào,
Chỗ vọng ngữ rơi vào,
Chỗ phạm Thánh rơi vào,
Nếu ta gây náo loạn,
Ta sẽ rơi vào đó.*

“Như vậy, bạch Thế Tôn, con muốn khiến vua A-tu-la phải nói lời ước thề, vậy có đúng pháp không? A-tu-la kia có gây nhiều loạn nữa không?”

“Phật bảo Thiên đế Thích:

“Lành thay! Lành thay! Ông muốn A-tu-la nói lời thề như vậy là đúng pháp, không trái và A-tu-la cũng không dám làm nhiều loạn nữa.

“Sau khi, Thiên đế Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ ra về.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam, không bị nhiều loạn, cũng thường khen ngợi pháp không nhiều loạn. Tỳ-kheo các ông chánh tín, xuất gia, học đạo, không nhà cũng nên không nhiều loạn, cũng nên khen ngợi pháp không nhiều loạn như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



TẬP A-HÀM QUYỂN 41

KINH 1121. THÍCH THỊ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ², Bấy giờ, có nhiều người họ Thích đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Thích thị:

“Này các người Cù-đàm, vào ngày trai giới³ và tháng thần túc⁴, có thọ trì trai giới và tu tập công đức gì không?”

Các Thích thị bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con vào những ngày trai, có khi giữ được trai giới, có khi không được. Vào tháng thần túc có khi giữ trai giới, tu tập mọi công đức và cũng có khi không giữ được.”

Phật bảo những người họ Thích:

“Này các Cù-đàm, các ông sẽ không thu hoạch được lợi tốt. Các ông là những người kiêu mạn, người phiền não, người ưu bi, người khổ não. Tại sao vào những ngày trai giới, có khi giữ được trai giới, có khi không được? Vào những tháng thần túc, có khi giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi không được? Này các Cù-đàm, thí như người cầu lợi, mỗi ngày mỗi tăng dần, một ngày một tiền, hai ngày hai tiền, ba ngày bốn tiền, bốn ngày tám tiền, năm ngày mười sáu tiền, sáu ngày hai mươi tiền. Như vậy, người ấy càng ngày càng tăng dần; tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng, tiền tài càng lúc càng lớn rộng phải không?”

¹. Đại Chánh quyển 41. Ấn Thuận, “Tụng vii. Như Lai sở thuyết. 40. Tương ứng Bất hoại tịnh” sáu mươi hai kinh: 13174-13235 (Đại Chánh: quyển 31 (phần cuối) kinh 902-904, quyển 41 (phần đầu) kinh 1121-1135). Quốc Dịch, quyển 26, “Tụng 5. Đạo.8 Tương ứng Bất hoại tịnh; phẩm 2” bốn mươi tám kinh: 12637-12684 (Đại Chánh: 1121-1135). Phật Quang, quyển 31, kinh 873-896 (Đại Chánh: kinh 1121-1144). –Đại Chánh kinh 1121; Pāli, A. 10. 46. Sakka.

². Ca-tỳ-la-vệ quốc Ni-câu-luật viên 迦毘羅衛國尼拘律園. Pāli: Kapilavatthu-Nigodha-Nigodhārāma.

³. Pháp trai nhật 法齋日; chỉ ngày thọ trì bát quan trai giới. Pāli: atthaṅga-susamāgataṃ uposathaṃ.

⁴. Thần túc nguyệt 神足月; tháng thần túc hay thần biến. Xem cht.49, kinh 1117.

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo Thích thị:

“Thế nào, các người Cù-đàm, như vậy, người tiền tài tăng lên dần và tiền tài tự nhiên sẽ tăng rộng ra mãi; rồi lại muốn cho mình, trong vòng mười năm, chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định; há có thể được không?”

Thích thị đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo Thích thị:

“Hoặc là chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định; há có thể được không?”

Thích thị đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo Thích thị:

“Thôi, không tính năm. Liệu mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định, há có thể được không? Lại không tính tháng, mà mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định, há có thể được không?”

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật dạy Thích thị:

“Nay Ta nói cho các ông biết, trong hàng Thanh văn của Ta, có người tâm ngay thẳng, không siểm trá, không huyễn ngụy; Ta đã giáo hóa người này mười năm. Do nhân duyên này, người ấy có thể trong vòng trăm, ngàn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định. Điều này chắc chắn là có.

“Lại nữa, thôi, không tính mười năm, mà chín năm, tám năm, cho đến một năm, mười tháng, chín tháng, cho đến một tháng; mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm, nếu đã được Ta giáo hóa, thì đến sáng hôm sau họ có thể tiến bộ vượt bậc. Sáng sớm đã được giáo hóa thì đến chiều tối, có thể tiến bộ gấp bội. Vì nhân duyên này, nên trong vòng trăm, ngàn, vạn năm chỉ một mực hỷ lạc, tâm lạc, phần nhiều trụ thiên định, thành tựu hai quả. Hoặc quả Tư-đà-hàm hay quả

A-na-hàm. Vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi.”

Những người họ Thích bạch Phật:

“Lành thay! Thế Tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập trai giới tám chi; vào tháng thần túc, cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí, tu tập mọi công đức.”

Phật bảo Thích thị:

“Lành thay, các Cù-đàm, hãy làm những việc cần thiết⁵.”

Phật nói kinh này xong, những người họ Cù-đàm nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
*

KINH 1122. TẬT BỆNH⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có nhiều người dòng họ Thích nhóm họp tại nhà luận nghị, bàn luận như vậy. Khi ấy, có người họ Thích nói với người họ Thích tên là Nan-đề: “Tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. Lại cũng không biết có những vị Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có những vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trí tuệ khác bị tật bệnh khốn khổ, thì sẽ làm sao thuyết pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ? Bấy giờ chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này. Theo như lời dạy Thế Tôn mà thọ trì.”

Lúc đó, Nan-đề và những người dòng họ Thích, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con những người họ Thích có bàn luận với nhau ở nhà nghị luận như vậy. Có người họ Thích đến nói với con rằng: ‘Này Nan-đề, chúng tôi có khi được đến Như Lai để cung kính cúng dường, có khi không được. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết, có khi không được. *Nói đầy đủ như trên... cho đến vâng theo lời dạy Thế Tôn mà thọ trì.*’ Hôm nay chúng con thỉnh vấn Thế

⁵. Hán: vi chân thật yếu 爲真實要: chưa hiểu ý.

⁶. Pāli, S. 55. 54 Gilāyana.

Tôn: ‘Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, mà khi có Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác bị bệnh tật khốn khổ thì nên thuyết pháp giáo giới, giáo hóa thế nào?’”

Phật bảo Nan-đề:

“Nếu Ưu-bà-tắc trí tuệ, muốn đến chỗ Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di trí tuệ khác đang bị tật bệnh khốn khổ, thì đem ba pháp an tâm⁷ này mà truyền dạy cho họ; nói rằng: ‘Nhân giả! Hãy thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, Tăng.’”

“Sau khi đem ba pháp an tâm này truyền dạy xong, lại nên hỏi rằng: ‘Nhân giả có quyền luyến cha mẹ không?’ Nếu người kia có quyền luyến cha mẹ, thì nên dạy buông xả và nên nói rằng: ‘Nếu Nhân giả quyền luyến cha mẹ mà được sống, thì đáng quyền luyến. Đã không do quyền luyến mà được sống, thì quyền luyến làm gì?’ Nếu kia nói không có quyền luyến cha mẹ thì nên tùy hỷ khuyến thiện và hỏi thêm rằng: ‘Đối với vợ con, nô bộc, tiền của cùng mọi vật Nhân giả có quyền luyến không?’ Nếu nói quyền luyến thì nên khuyên buông xả, như pháp xả sự quyền luyến cha mẹ. Nếu nói không quyền luyến, thì tùy hỷ khuyến thiện và hỏi nữa: ‘Đối với ngũ dục thế gian Nhân giả có luyến tiếc không?’ Nếu họ nói luyến tiếc, thì nên giải thích là ngũ dục thế gian là chỗ xấu xa, bất tịnh, bại hoại, hôi hám, không giống như ngũ dục thắng diệu cõi trời. Hãy khuyên kia lìa bỏ ngũ dục thế gian và quyết mong ngũ dục cõi trời. Nếu người kia nói tâm đã xa lìa ngũ dục thế gian và trước đã nghĩ đến dục thắng diệu cõi trời, thì tùy hỷ khuyến thiện và lại nói với họ rằng: ‘Ngũ dục thắng diệu cõi trời, là pháp vô thường, khổ, không, biến hoại. Chư Thiên cõi trời có thân tướng thù thắng hơn ngũ dục cõi trời.’ Nếu kia nói đã bỏ nghĩ đến dục cõi trời và chỉ nghĩ đến thân tướng hơn ngũ dục, thì cũng tùy hỷ khuyến thiện và lại nói với rằng: ‘Dục của hữu thân⁸ cũng lại là pháp vô thường, biến hoại, chỉ có sự an lạc của xuất ly, là Niết-bàn với sự diệt tận của các hành. Nhân giả

⁷ Tô tức xứ 穌息處. Pāli: assāsaniya dhamma: pháp làm cho hơi thở điều hòa; làm cho thư giãn, nghỉ ngơi; pháp làm cho an tâm.

⁸ Hữu thân 有身; tức hữu thân kiến, chấp thân có thật. Diệt trừ thân kiến chứng Tu-dà-hoàn. Pāli: sakkāya.

nên lìa bỏ sự mê luyến nơi hữu thân, mà nên vui cái vui Niết-bàn vắng lặng, tối thượng, thù thắng.’

“Vị Thánh đệ tử kia nếu đã lìa bỏ sự mê luyến đối với hữu, chỉ vui với Niết-bàn, thì cũng nên tùy hỷ khuyến thiện.

“Như vậy, Nan-đề, Thánh đệ tử kia từ từ trước sau được nhắc nhở chỉ dạy, khiến cho họ được Niết-bàn bất khởi⁹; giống như Tỳ-kheo sống một trăm tuổi, giải thoát Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, Nan-đề họ Thích cùng mọi người nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ ra về.

**
*

KINH 1123. BỒ-ĐỀ¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ, Bấy giờ, có người họ Thích tên là Bồ-đề¹¹ đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Lành thay, bạch Thế Tôn, chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế Tôn.”

Phật bảo Bồ-đề:

“Chớ nói như vậy, rằng: ‘Chúng con sung sướng được thiện lợi, là được làm thân quyến Thế Tôn.’ Nay Bồ-đề, được gọi là thiện lợi là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới. Cho nên, nay Bồ-đề, nên học như vậy: Đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại, đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới.”

Phật nói kinh này xong, Bồ-đề họ Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
*

⁹ Hán; bất khởi Niết-bàn 不起涅槃; chỉ Niết-bàn vô sanh, không còn tái sanh. Bản Pāli không nhắc đến ý nghĩa này.

¹⁰ Pāli, S. 55. 48. Bhaddiya.

¹¹ Bồ-đề 菩提. Pāli: Bhaddiya. Bản Hán đọc là Bodhi(ya).

KINH 1124. VẮNG SANH¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có vị Thánh đệ tử nào đối với Phật mà thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, thì ngay lúc đó, sẽ được các hàng chư Thiên mà trước kia đối với Phật đã thành tựu được lòng tin tịnh giới bất hoại và vì nhân duyên này họ được sanh lên cõi trời, họ đều rất hoan hỷ và khen ngợi rằng: ‘Ta, nhờ nhân duyên đối với Phật thành tựu được lòng tin thanh tịnh bất hoại, nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Vị Thánh đệ tử kia, ngày nay đối với Phật thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại, vì nhân duyên đó cũng sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp này.’

“Đối với Pháp và Tăng, lòng tin thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1125. TU-ĐÀ-HOÀN (1)¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn đạo phần Tu-đà-hoàn¹⁴: Thân cận người thiện nam, nghe chánh pháp, bên trong suy nghĩ chân chánh, pháp thứ pháp hướng¹⁵.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹². Pāli, S. 55. 36. Sabhāgata.

¹³. Pāli, S. 55. 50. Aṅga; S. 55. 55. Caturō phalā.

¹⁴. Tứ chủng Tu-đà-hoàn đạo phần 四種須陀洹道分. Pāli: cattāri sotapattiyaṅgāni. Cũng gọi là bốn Dự lưu chi, Cf. Pháp uẩn 2, Đại 26, tr.458.

¹⁵. Cf, Pháp uẩn, ibid.: thân cận thiện sĩ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Pāli, Cf. D.iii. 227: sappurisa-saṃsevo, saddhamma-savaṇaṃ, yoniso-manasikāro, dhammānudhamma-paṭipatti.

KINH 1126. TU-ĐÀ-HOÀN (2)¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn chi phần Tu-đà-hoàn¹⁷. Những gì là bốn? Đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng có tâm thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là đạo phần Tu-đà-hoàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1127. BỐN PHÁP¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người nào thành tựu bốn pháp thì biết người đó là Tu-đà-hoàn. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật có tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng, có tâm thanh tịnh bất hoại, thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết họ là Tu-đà-hoàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy phân biệt về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.*¹⁹

**
*

¹⁶. Pāli, S. 55. 46. Bhikkhū.

¹⁷. Tu-đà-hoàn phần 須陀洹分.

¹⁸. Pāli, S. 55. 2. Ogadha.

¹⁹. Trong đoạn này, tóm tắt có mười bảy kinh. Ấn Thuận, kinh 1318-13190. Đại Chánh không có kinh số tương đương.

KINH 1128. BỐN QUẢ (1)²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1129. BỐN QUẢ (2)²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết, tham, sân, si với mỏng, gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn dứt năm hạ phần kết sử, gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si và tất cả phiền não gọi là A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nói mà không phân biệt, cũng vậy, phân biệt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Người nào thành tựu bốn pháp, thì biết họ là Tu-đà-hoàn. Các kinh đều nói như trên.

**
*

²⁰. Pāli, S. 55. 55-58. Caturō phalā.

²¹. Tham chiếu kinh 1128.

KINH 1130. HÀN XỨ²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở bất cứ nơi nào, nếu có Tỳ-kheo đi kinh hành và ở nơi đó mà chứng được một trong bốn quả Sa-môn, thì khi Tỳ-kheo ấy mạng chung, thường nhớ đến chỗ mình chứng quả.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như chỗ kinh hành, cũng vậy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm cũng nói như vậy. Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thích-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các kinh đều nói như vậy.

**
*

KINH 1131. BỐN THỨC ĂN²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như bốn loại thức ăn đối với tứ đại, để an lập chúng sanh, giúp ích và duy trì. Những gì là bốn? Đoàn thực, xúc thực, ý tứ thực và thức thực. Cũng vậy, có bốn thứ thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Những gì là bốn? Đó là đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

²². Pāli, không thấy tương đương.

²³. Pāli, S. 55. 31. Abhisanda (1).

KINH 1132. NHUẬN TRẠCH (1)²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

“Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.

“Đối với Pháp, Tăng, thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, các pháp đã được nghe, vừa ý, yêu thích. Thành tựu Thánh giới, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1133. NHUẬN TRẠCH (2)²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

“Đối với Phật thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Nếu đối với pháp²⁶; hoặc tâm keo kiệt, cấu bẩn, trói buộc chúng sanh, thì tâm phải xa lìa các thứ keo kiệt, cấu bẩn đã dính nhiều vào đó, mà thực hành bố thí giải thoát. Thường bố thí, thích buông xả, tâm hành thí bình đẳng, là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

²⁴. Pāli, S. 55. 32. Abhisanda (2).

²⁵. Tham chiếu kinh 1132.

²⁶. Bản Hán tiết lược: đối với pháp và đối với Tăng, chi tiết như đối với Phật. Tiếp theo là thứ tư, an lạc do bố thí.

KINH 1134. NHUẬN TRẠCH (3)²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nói như trên, nhưng chỉ có một vài sự sai khác là:

“Bốn thứ như vậy là thức ăn an lạc vốn thấm nhuần bởi phước đức, thấm nhuần bởi pháp lành. Quả báo và công đức của Thánh đệ tử kia không thể so sánh. Không thể nói có được bao nhiêu phước, bao nhiêu báo như vậy, mà chỉ nói phước báo nhiều của họ thuộc về công đức lớn đã tích tụ.” Giống như kinh Thí dụ ngũ hà²⁸ đã nói,... cho đến nói kệ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1135. BỐN MƯƠI THIÊN TỬ²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có bốn mươi Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, sáng sớm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Thế Tôn bảo các Thiên tử ấy rằng:

“Lành thay! Lành thay! Các Thiên tử, các ông đối với Phật đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại và thành tựu Thánh giới chưa?”

Bấy giờ, có một Thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đối với Phật con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời.”

²⁷. Pāli, S. 55. 33. Abhisanda.

²⁸. Quyển 30, kinh 841.

²⁹. Pāli, S. 55. 20. Devacārika.

Một Thiên tử thưa:

“Bạch Thế Tôn, đối với Pháp con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời.”

Một Thiên tử thưa:

“Bạch Thế Tôn, đối với Tăng con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời.”

Một Thiên tử thưa:

“Bạch Thế Tôn, đối với Thánh giới con đã thành tựu, nhờ công đức này nên khi thân hoại mạng chung con được sanh lên cõi trời.”

Bấy giờ, bốn mươi Thiên tử ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn rồi liền biến mất.

Giống như bốn mươi vị Thiên tử, cũng vậy, bốn trăm Thiên tử, tám trăm Thiên tử, mười ngàn Thiên tử, hai chục ngàn Thiên tử, ba chục ngàn Thiên tử, bốn chục ngàn Thiên tử, năm chục ngàn Thiên tử, sáu chục ngàn Thiên tử, bảy chục ngàn Thiên tử, tám chục ngàn Thiên tử, họ ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn xong liền biến mất.

**
*

KINH 1136. NGUYỆT DỤ³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá³¹.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý,

³⁰. Quốc Dịch, quyển 45 “Tụng viii. Đạo. Như Lai. 1. Tương ứng Đại Ca-diếp” một phẩm. Ấn Thuận, “Tụng 7. Như Lai sở thuyết. 41. Tương ứng Đại Ca-diếp” mười một kinh, tương đương Pāli S. 16. Kassapa-saṃyutta. Phật Quang, quyển 31, phần sau (vào hai kinh đầu quyển 32). Đại Chánh, quyển 41, kinh 1136-1144, 905-906 (quyển 32). Pāli, S. 16. 3. Candupama. Biệt dịch, N^o100(111).

³¹. Bản Đại Chánh: Xá-vệ quốc.

khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng khi lội vực sâu, lên đỉnh núi, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình và chậm rãi tiến tới trước.

“Tỳ-kheo cũng vậy, sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học.

“Tỳ-kheo Ca-diếp sống như mặt trăng; khi đi vào nhà người khác với tâm quý, khiêm hạ không cao mạn, kiểm thúc tâm, thúc liễm thân hình như người mới học. Như người mắt sáng lội vực sâu, lên đỉnh núi chế ngự tâm, thúc liễm thân, xem xét kỹ rồi mới tiến.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ý các ông thế nào? Tỳ-kheo phải như thế nào mới vào nhà người?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, xin Thế Tôn nói rộng, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông giảng nói.

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nhà người mà tâm không bị dính, không bị trói, không tham đắm dục lạc³²; đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người. Tỳ-kheo như vậy mới nên vào nhà người.”

Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Hiện tại tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không,”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Pháp của Tỳ-kheo thường như vậy, với tâm không bị dính,

³². Pāli: seyyathāpiyam ākāse paṇi na... cittaṃ na sajjati na gayhati na bajjhati, cũng như cánh tay này trong hư không, tâm không bị dính mắc, không bị nắm giữ, không bị cột trói.

không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người. Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp là với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người. Đối với cái lợi mà người khác có, công đức mà người khác làm, hoan hỷ như là của chính mình, không sanh ra tư tưởng ganh tị; cũng không tự đề cao mình, hạ thấp người, chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp như vậy mới nên vào nhà người.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại đưa tay sờ vào hư không, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Ý các ông thế nào? Hiện tại tay này của Ta có bị dính, bị trói, bị nhiễm bởi hư không chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không,”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Chỉ Tỳ-kheo Ca-diếp thường như vậy, với tâm không bị dính, không bị trói và không bị nhiễm khi vào nhà người.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo như thế nào mới đáng là thuyết pháp thanh tịnh?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, xin Ngài nói rộng, chúng con nghe xong sẽ nhận lãnh phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

“Nếu có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người mà khởi tâm như vậy: ‘Những ai khởi tín tâm thanh tịnh đối với ta? Làm như thế rồi, cúng dường y phục, ngọa cụ, mền nệm và thuốc men.’ Thuyết như vậy, gọi là thuyết pháp không thanh tịnh.

“Nếu lại có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người, khởi nghĩ như vậy: ‘Chánh pháp luật được Thế Tôn hiển hiện, là các nhiệt não, không đợi thời tiết, ngay nơi hiện thân này³³, duyên nơi tự tâm mà giác tri, hướng thẳng Niết-bàn. Nhưng chúng sanh thì đắm chìm vào già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Những chúng sanh như vậy nếu nghe được Chánh pháp, nhờ nghĩa lợi thì mãi mãi sẽ được an lạc. Nhờ nhân duyên

³³. Tức thủ hiện thân 即此現身.

Chánh pháp này, bằng tâm từ, tâm bi, tâm thương xót và tâm muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà thuyết cho người'. Đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh.

“Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp mới có tâm thanh tịnh như vậy mà vì người thuyết pháp; bằng Chánh pháp luật của Như Lai,... *cho đến* vì tâm muốn làm Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy, thuyết pháp như vậy, đối với Chánh pháp luật của Như Lai,... *cho đến* tâm muốn khiến cho Chánh pháp được thường trụ lâu dài mà vì người thuyết pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1137. THÍ DỮ³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vậy: ‘Người kia sẽ bố thí cho ta, chứ không phải không bố thí; bố thí vội, không cúng từ từ; bố thí nhiều, không bố thí ít; bố thí ngon, không bố thí dở; cúng bố thí không cúng chậm.’ Vì tâm như vậy, mà đến nhà người, nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị khuấy nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy thoái thất, tự sanh chướng ngại.

“Nếu lại có Tỳ-kheo nào, muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vậy: ‘Người xuất gia mục đích đến nhà người, là do đâu được bố thí chứ không phải không bố thí, bố thí vội không phải bố thí từ từ, bố thí nhiều không phải bố thí ít, bố thí ngon không phải bố thí dở, bố thí nhanh không phải bố thí chậm?’ Nghĩ như vậy mới đến nhà người. Nếu người ta không bố thí,... *cho đến* bố thí chậm, tâm của Tỳ-kheo này không bị khuấy nhục, cũng không bị thoái thất, không sanh chướng ngại.

³⁴. Pāli, S. 16.4. Kulupagam. Biệt dịch, N^o100(112).

“Chỉ có Tỳ-kheo Ca-diếp nghĩ như vậy khi đến nhà người. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy, nghĩ như vậy khi vào nhà người: ‘Người xuất gia mục đích khi đến nhà người, do đâu được cúng chứ không phải không cúng,... cho đến cúng mau không phải cúng chậm?’

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1138. THẮNG³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Ông nên thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay rất khó giáo thọ các Tỳ-kheo. Hoặc có Tỳ-kheo không chịu nghe nói.”

Phật bảo Ma-ha Ca-diếp:

“Vì lý do gì ông nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con thấy có hai Tỳ-kheo, một tên là Bàn-trù³⁶ đệ tử của A-nan, hai tên là A-phù-tỳ³⁷ đệ tử của Ma-ha Mục-kiền-liên. Hai người này tranh luận về đa văn. Họ bảo nhau: ‘Người đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn.’”

Khi ấy, Tôn giả A-nan đứng sau Phật đang cầm quạt hầu, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Hãy thôi! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhẫn! Tôn giả Ca-

³⁵. Pāli, S. 16. 6. Ovādo.

³⁶. Bàn-trù 槃稠. Pāli: Bhaṇḍa.

³⁷. A-phù-tỳ 阿浮毘. Abhiñjika.

diếp! Những Tỳ-kheo thiếu niên này trí tuệ kém, trí tuệ xấu.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

“Ông hãy im lặng! Chớ khiến ta ở giữa Tăng hỏi sự việc ông.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền im lặng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo một Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ nói rằng: ‘Đại Sư cho gọi các ông.’”

Tỳ-kheo này liền vâng lời, đến chỗ Tỳ-kheo A-phù-tỳ và Tỳ-kheo Bàn-trù nói rằng:

“Đại Sư cho gọi các ông.”

Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ vâng theo lời dạy, cả hai liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi hai Tỳ-kheo:

“Có thực, hai ông đã cùng nhau tranh luận và nói: ‘Ông đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn’ không?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật có.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông đem những pháp của Ta dạy như Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-dà, Ưu-dà-na, Ni-dà-na, A-bà-dà-na, Y-đế-nhật-đa-già, Xà-dà-già, Tỳ-phú-la, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá để tranh luận nhau và bảo: ‘Người đến đây cùng nhau bàn luận để coi ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn’ phải không?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không vậy.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông không đem những gì Ta đã nói trong Tu-đa-la,... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá để tự điều phục, tự đình chỉ và tự cầu Niết-bàn sao?”

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông là những người ngu si! Sao các ông đã biết những gì Ta dạy trong Tu-đa-la,... *cho đến* Ưu-ba-đề-xá rồi, lại cùng nhau tranh luận thử ai có sở tri nhiều và sở tri ai hơn?”

Lúc này, hai Tỳ-kheo trước Phật lễ dưới chân, cùng bạch Phật:

“Xin sám hối Thế Tôn! Xin sám hối Thiện Thệ! Chúng con ngu si không tốt, không phân biệt, mà tranh luận nhau.”

Phật bảo hai Tỳ-kheo:

“Các ông đã thực biết tội, sám hối lỗi ngu si, không tốt, không biết phân biệt mà lại cùng tranh luận. Nay đã tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, thì Giới luật nghi sẽ phát sanh ở đời vị lai. Nay Ta vì thương xót các ông mà nhận sự sám hối, để cho thiện pháp các ông tăng trưởng không bao giờ thoái giảm. Vì sao? Vì nếu có người tự biết tội, tự thấy tội, tự biết hối lỗi, thì Giới luật nghi sẽ phát sanh ở đời vị lai, không bao giờ thoái giảm.”

Hai Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1139. VÔ TÍN³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiên tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên. Phật bảo Ca-diếp:

“Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Nếu có thuyết pháp, thì sẽ có Tỳ-kheo không nhẫn, không hoan hỷ.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Vì lý do gì ông nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hoặc có Tỳ-kheo không có tâm tin kính đối với

³⁸. Pāli, S. 16. 7. Ovādo. Biệt dịch, N^o100(114).

thiện pháp, nếu nghe thuyết pháp, họ có thể thoái chuyển. Hoặc người ác trí tuệ không có trí tuệ, tinh tấn và tâm quý, không có trí tuệ đối với thiện pháp; nghe thuyết pháp, có thể thoái thất. Hoặc có người tham dục, sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phẫn hận, thất niệm, bất định, vô trí, họ có nghe thuyết pháp thì cũng thoái thất. Bạch Thế Tôn, những hạng người xấu như vậy, còn không thể khiến tâm an trụ ở thiện pháp, huống lại tăng tiến! Nên biết hạng người này thiện pháp càng ngày càng thoái thất, không thể tăng trưởng.

“Bạch Thế Tôn, nếu người nào, đối với thiện pháp, có lòng tin thanh tịnh thì sẽ không thoái thất. Đối với thiện pháp có trí tuệ, tinh tấn và tâm quý, sẽ không thoái thất. Không tham, không nhuế, không thụy miên, không trạo hối, không nghi hoặc, sẽ không thoái thất. Thân không thô bạo, tâm không ô nhiễm, không phẫn, không hận, định tâm, chánh niệm, trí tuệ, sẽ không thoái thất. Người như vậy, đối với các thiện pháp càng ngày càng tăng trưởng, hướng chi tâm lại an trú. Người này ngày đêm thường cầu tăng tiến, không bao giờ thoái thất.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Người nào đối với các thiện pháp, mà không có lòng tin thì sẽ bị thoái thất”. Cũng như Ca-diếp lần lượt nói đầy đủ.

Sau khi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

**
*

KINH 1140. PHẬT LÀ CĂN BẢN³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trong giảng đường Lộc tử mẫu tại vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một

³⁹. Pāli, S. 16. 8. Ovādo (3). Biệt dịch, N^o100(115).

bên. Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Ông nên giáo thọ, giáo giới cho các Tỳ-kheo. Vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, giáo giới, giáo thọ. Vì sao? Vì Ta thường thuyết pháp giáo giới, giáo thọ cho các Tỳ-kheo, ông cũng nên như vậy.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bây giờ khó có thể vì họ thuyết pháp. Có các Tỳ-kheo nghe thuyết pháp sẽ không nhẫn, không hoan hỷ.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Vì lý do gì ông nói như vậy?”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là chỗ nương tựa của pháp, cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ngày xưa, Tỳ-kheo a-luyện-nhã ở chỗ a-luyện-nhã khen ngợi pháp a-luyện-nhã. Với Tỳ-kheo khát thực⁴⁰ thì khen ngợi về công đức khát thực. Với Tỳ-kheo y phẩn tảo thì khen ngợi về công đức mặc y phẩn tảo. Với Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, trí tuệ lậu tận, tự thân tác chứng, thì theo sở hành của họ mà khen ngợi, xưng tụng.

“Này Ca-diếp, nếu có Tỳ-kheo với a-luyện-nhã thì khen ngợi pháp a-luyện-nhã,... cho đến với Tỳ-kheo lậu tận, thì khen ngợi lậu tận tự thân tác chứng; nếu gặp Tỳ-kheo như vậy thì nên tiếp chuyện, tùy nghi thăm hỏi, chào đón: ‘Ngài tên gì? Đệ tử của ai?’ Nhường chỗ ngồi mời ngồi và tán thán sự hiền thiện của vị ấy, như pháp sở hành của vị ấy, có nghĩa Sa-môn, có sở dục Sa-môn. Khi khen ngợi như vậy, nếu vị ấy cùng ở hay cùng đi thì liền quyết định tùy thuận sở hành của vị ấy, không bao lâu cũng sẽ đồng với sở kiến và sở dục của vị ấy.”

⁴⁰. Tức Tỳ-kheo chỉ sống bằng hạnh khát thực; trong mười hai hạnh đầu-đà. Tiếp theo, là một số hạnh đầu-đà được nhắc đến.

Phật bảo Ca-diếp:

“Nếu Tỳ-kheo tuổi trẻ gặp Tỳ-kheo a-luyện-nhã kia đến thì tán thán pháp a-luyện-nhã,... *cho đến* Tỳ-kheo lậu tận, tự thân tác chứng. Tỳ-kheo tuổi trẻ này nên đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi,... *cho đến* cùng ở với họ, thì không bao lâu chính mình sẽ được nghĩa lợi, được hữu ích. Người nào cung kính như vậy, thì sẽ được lợi ích an lạc lâu dài.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Hiện nay, Tỳ-kheo tuổi trẻ thấy vị kia đến, biết đó là đại đức có tri kiến có thể chiêu cảm được mọi thứ tài vật như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên cùng tiếp chuyện với họ, cung kính hỏi thăm, chào đón, rằng: ‘Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?’ Và tán thán phước đức của họ để có thể chiêu cảm được lợi lớn như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc cùng gần gũi vị ấy cũng sẽ được đầy đủ mọi thứ y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Hoặc lại có Tỳ-kheo-niên thiếu, thấy vị kia đến biết đó là đại đức, đại trí, có thể chiêu cảm được mọi thứ tài lợi như y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, nên vội vàng đứng dậy nghinh đón, cung kính chào hỏi: ‘Quý thay ngài đến đây! Bạc Đại đức, đại trí!’ để có thể chiêu cảm lợi lớn về y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men. Nay Ca-diếp, những Tỳ-kheo-niên thiếu như vậy, sẽ lâu dài bị đau khổ, phi nghĩa, không có lợi.

“Như vậy, Ca-diếp, những Tỳ-kheo đó là tai hoạn của Sa-môn, là sự đắm chìm của phạm hạnh, là chướng ngại lớn, là pháp ác bất thiện, là cái hại của phiền não, trở lại thọ các hữu, chịu khổ báo sanh tử thiêu đốt trong đời vị lai đưa đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, Ca-diếp, phải tu học như vậy: Hãy xưng danh tán thán những vị a-luyện-nhã sống ở a-luyện-nhã; xưng danh tán thán vị mặc y phấn tảo khát thực, thiếu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh trí lậu tận, tự thân tác chứng.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1141. QUÁ GIÀ⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại giảng đường Lộc tử mẫu trong vườn phía Đông nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Ma-ha Ca-diếp:

“Ông nay đã già, các căn suy yếu, y phẩn tảo nặng, y của Ta nhẹ tốt⁴². Nay ông có thể ở trong chúng mặc y nhẹ hoại sắc do cư sĩ cúng.”

Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán hạnh a-luyện-nhã, mặc y phẩn tảo, khát thực⁴³.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Thầy quán sát có bao nhiêu nghĩa mà tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phẩn tảo, khát thực, tán thán pháp mặc y phẩn tảo, khát thực?”

Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con quán sát thấy có hai nghĩa: Hiện tại được nghĩa sống an lạc; đời vị lai, làm gương cho chúng sanh. Vì chúng sanh đời vị lai sẽ nghĩ như vậy: ‘Thượng tọa quá khứ có sáu thân thông, xuất gia lâu ngày, phạm hạnh thuần thực, được Thế Tôn khen ngợi và được những vị phạm hạnh trí tuệ phụng sự. Vị ấy lâu dài tập hạnh a-luyện-nhã, tán thán pháp a-luyện-nhã; mặc y phẩn tảo, khát thực, tán thán pháp mặc y phẩn tảo, khát thực.’ Nếu ai nghe được điều này, tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, lúc nào cũng được an lạc và lợi ích.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Lành thay! Lành thay! Ca-diếp, ông là người trong lâu dài đem lại nhiều lợi ích, an lạc cho chúng sanh, thương xót thế gian và an lạc trời, người.”

⁴¹. Pāli, S.16. 5. Jīṇaṃ. Biệt dịch, N^o100(116); N^o125(41.5).

⁴². Cf. S. ii. 220: Lần đầu tiên gặp Phật, Ca-diếp khoác chiếc Tăng-già-lê rất quý; rồi xin đổi lấy y thô xấu của Phật.

⁴³. Bản Pāli kể chi tiết các hạnh đầu-đà của Ca-diếp.

Phật bảo Ca-diếp:

“Nếu có người nào hủy báng pháp đầu-đà⁴⁴, tức là hủy báng Ta. Nếu có người nào tán thán pháp đầu-đà, tức là tán thán Ta. Vì sao? Vì pháp đầu-đà là pháp Ta luôn luôn xưng danh và tán thán. Cho nên, Ca-diếp, người a-luyện-nhã, nên tán thán a-luyện-nhã; người mặc y phẩn tảo, khát thực, nên tán thán pháp mặc y phẩn tảo khát thực.”

Phật nói kinh này xong, Ma-ha Ca-diếp nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
*

KINH 1142. NẠP Y NẶNG⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu nơi trú xứ sàng tọa a-luyện-nhã⁴⁶, râu tóc ra dài, mặc y rách vá, đến chỗ Phật.

Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Bấy giờ, các Tỳ-kheo thấy Ma-ha Ca-diếp từ xa đi lại và sau khi thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rồi, họ khởi tâm khinh mạn rằng:

“Tỳ-kheo này là ai mà y phục tồi tàn; đến đây mà dung nghi không có; đến đây mà y phục dương dương⁴⁷?”

Khi đó Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo, bảo Ma-ha Ca-diếp:

“Đến đây, Ca-diếp! Hãy ngồi nơi phân nửa chỗ ngồi này. Nay Ta rốt cuộc⁴⁸ biết ai xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư?”

Các Tỳ-kheo sanh lòng sợ hãi, chân lông dựng đứng lên, nói với nhau:

⁴⁴. Đầu-đà pháp 頭陀法. Pāli: dhutaḅṅṅā.

⁴⁵. Pāli, S. 16. 9. Jhānābhīñṅā. Biệt dịch, N^o100(117).

⁴⁶. Hán: a-luyện-nhã sàng tọa xứ 阿練若床坐處. Chưa rõ ý. Biệt dịch, N^o100(112): “Sống ở biên địa xa xôi, trải cỏ mà nằm”.

⁴⁷. Y phục dương dương 衣服佯佯; bản Tống-Nguyên-Minh: bàng dương, y phục phát phơ.

⁴⁸. Hán: cánh tri 竟知. Ấn Thuận cho rằng nháy sót chữ *bất*: “Rốt cuộc, không biết ai...”.

“Lạ thay, Tôn giả! Tôn giả ấy là Ma-ha Ca-diếp có đức độ lớn, thần lực lớn, là đệ tử của Đại Sư, được mời ngồi nửa tòa.”

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Phật là Thầy con. Con là đệ tử⁴⁹.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Thật vậy! Thật vậy! Ta là Đại Sư. Ông là đệ tử. Bây giờ ông hãy ngồi xuống, trên chỗ ngồi đã dọn sẵn.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo nên đem những công đức rộng lớn thù thắng của Ca-diếp đã sở đắc như mình, vì đại chúng hiện tiền mà bảo các Tỳ-kheo:

“Ta đã lìa dục, pháp ác bất thiện, có giác, có quán, thành tựu và trụ Sơ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như Ta, lìa dục, pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và trụ Sơ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

“Ta muốn thành tựu và an trụ Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy,... *cho đến* thành tựu và an trụ Tứ thiên, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.

“Ta tùy theo sở dục mà thành tựu và an trụ Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, thần thông hiện các cảnh giới, có trí thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, trí sanh tử và trí lậu tận, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm. Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy,... *cho đến* thành tựu và an trụ trí lậu tận hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc ngày đêm.”

Sau khi Đức Thế Tôn ở giữa vô số đại chúng, tán thán công đức thắng diệu rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp như mình rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁴⁹. Cf. S. ii. 220: *satthā me, bhante, bhagavā, sāvako*ham asmi, “Thưa Đại đức, Thế Tôn là Thầy của tôi. Tôi là đệ tử.” Câu nói khi Ca-diếp lần đầu trông thấy Phật. Bằng câu này, theo các Luật tạng, Ma-ha Ca-diếp đắc giới cụ túc, thành Tỳ-kheo.

KINH 1143. KHI ẤY⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Ca-diếp nói rằng:

“Hôm nay chúng ta có thể ra khỏi núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương xá khất thực?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng bằng lòng. Hai Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan đắp y, ôm bát vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Trời còn quá sớm, chúng ta tạm ghé qua tinh xá Tỳ-kheo-ni.”

Hai vị liền ghé qua. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ca-diếp và Tôn giả A-nan từ xa đi lại, vội vàng trải sàng tòa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni dùng nhiều cách thuyết pháp, chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ. Sau khi Tôn giả chỉ bày, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà⁵¹ không hoan hỷ, nói ra những ác ngôn như vậy:

“Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp⁵² lại thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bê-đề-ha-mâu-ni⁵³? Giống như người buôn bán kim lại đem kim bán cho người làm kim? A-lê Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy, thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni trước mặt A-lê A-nan Bê-đề-ha-mâu-ni!”

⁵⁰. Pāli, S. 16. 10. Upassayaṃ. Biệt dịch, N^o100(118).

⁵¹. Thâu-la Nan-đà 偷羅難陀. Pāli: Thullanandā.

⁵². A-lê Ma-ha Ca-diếp 阿梨摩訶迦葉. Pāli: ayyo Mahākassapo. Xem cht.42, kinh 1075.

⁵³. A-nan Bê-đề-ha-mâu-ni 阿難鞞提訶牟尼. Pāli: Ānanda Vedehamuni; sơ giải, SA.i. 120: Vedehiputto ti, vedehi paṇḍitādhivacanāṃ etaṃ; paṇ ititthiy putto ti attho, A-nan được gọi là Ân sĩ Vedeha, vì là con trai của Vedehi. Vedehi đồng nghĩa với Paḍita, thông thái. Nghĩa là, con trai của người đàn bà thông thái.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn, liền nói với Tôn giả A-nan:

“Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la Nan-đà với tâm không hoan hỷ mà miệng thốt ra những ác ngôn? Thế nào A-nan? Ta là người buôn kim, bán kim trước mặt người làm kim là ông chẳng?”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Thôi, hãy nhìn! Đó là mù già ngu si, thiếu trí tuệ, chưa từng tu tập!”

“Này A-nan, ông chẳng đã từng nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết ‘Nguyệt dụ kinh’⁵⁴ để giáo giới, giáo thọ rằng: ‘Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học’... (*chi tiết như trên*)? Đó là nói A-nan sống như mặt trăng, thường như người mới học chẳng?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, không phải.”

“A-nan, ông có nghe Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa đại chúng thuyết ‘Nguyệt dụ kinh’ để giáo giới, giáo thọ rằng: ‘Tỳ-kheo, hãy sống như mặt trăng, thường như người mới học, thì chỉ có Ma-ha Ca-diếp’?”

A-nan đáp:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, đúng vậy.”

“A-nan, ông có từng được Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, ở giữa vô lượng đại chúng, mời đến ngồi chung chẳng? Lại nữa, Thế Tôn có tán thán đức độ rộng lớn của ông bằng Ngài không? A-nan đã lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... *cho đến* được Ngài tán thán lậu tận thông chẳng?”

Đáp:

“Thưa Tôn giả Ca-diếp, chưa!”

“Như vậy, này A-nan, Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, ở giữa vô lượng đại chúng, miệng tự nói: ‘Thiện lai! Ma-ha Ca-diếp! Mời ông ngồi nửa tòa.’ Lại, ở giữa đại chúng có khen ngợi công đức rộng lớn của Ma-ha Ca-diếp bằng Phật; đã lìa

⁵⁴. Xem kinh 1136.

dục, là pháp ác bất thiện... *cho đến lậu tận không?*”

A-nan đáp:

“Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-diếp!”

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni rống lên tiếng rống sư tử.

**
*

KINH 1144. CHÚNG GIẢM THIỂU⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá, sau khi Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu.

Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, đói kém, nên đi khát thực rất khó được. Lúc này, có nhiều Tỳ-kheo tuổi trẻ đi theo Tôn giả A-nan, không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không biết lượng, nên không thể từ đầu đêm đến cuối đêm tinh cần thiền định tư duy, chỉ ưa đắm vào ngủ nghỉ, thường cầu lợi lộc ở đời. Họ du hành nhân gian đến Nam Thiên trúc⁵⁶, có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, chỉ còn lại mấy chú trẻ nhỏ⁵⁷. Lúc ấy, Tôn giả A-nan du hành ở nước Nam sơn⁵⁸, vì thấy đồ chúng còn ít nên trở lại Vương xá. Tôn giả cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

“Ông từ đâu đến mà đồ chúng quá ít?”

A-nan đáp:

“Từ nước Nam sơn, du hành trong nhân gian, có ba mươi Tỳ-kheo tuổi trẻ xả giới hoàn tục, đồ chúng giảm, nay còn lại phần nhiều là các trẻ nhỏ.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan rằng:

^{55.} Pāli, S. 16. 11. Civaraṃ. Biệt dịch, N^o100(119).

^{56.} Nam Thiên trúc 南天竺. Đây chỉ địa phương phía nam Ma-kiệt-đà; không phải Nam Ấn. Bản Pāli không đề cập.

^{57.} Hán: đồng tử 童子. Pāli: kumārabhūta, con nít.

^{58.} Nam sơn quốc thổ 南山國土. Dakkhinagiri, tên tiểu quốc ở phía Nam Vương xá.

“Có bao nhiêu phước lợi mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, chế giới cho phép ba người trở lên cùng ăn chung⁵⁹?”

A-nan đáp:

“Vì hai việc. Những gì là hai? Một là nhà nghèo ít của. Hai là những người ác lập bạn đảng phá hoại nhau. Chớ để những người ác mang danh là chúng, sống ở trong Tăng làm chướng ngại đại chúng, phân làm hai phe hiềm khích tranh đấu lẫn nhau.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

“Ông biết nghĩa này, vì sao vào lúc đói kém lại cùng nhiều đệ tử niên thiếu du hành nước Nam sơn, làm cho ba mươi người xả giới hoàn tục, đồ chúng tổn giảm chỉ còn lại đa số là các trẻ nhỏ? A-nan, đồ chúng của ông sụt giảm. Ông chỉ là trẻ con, vì không biết trừ lượng.”

A-nan thưa:

“Thế nào, đầu tôi đã hai thứ tóc mà vẫn còn gọi tôi là trẻ nhỏ sao, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp?”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói:

“Vào thời buổi đói kém, mà ông cùng nhiều đệ tử tuổi trẻ du hành trong nhân gian, lại để cho ba mươi người xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các trẻ nhỏ. Đồ chúng tiêu giảm, không biết trừ lượng, để cho đồ chúng niên thiếu bại hoại⁶⁰. Chúng của A-nan đã tan hết. Nay A-nan, ông là trẻ con, không biết trừ lượng.”

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá⁶¹ nghe Tôn giả Ca-diếp dùng từ trẻ con để quở trách Tôn giả A-nan Bê-đề-ha-mâu-ni; nghe rồi không vui thích, bèn thốt ra những lời không tốt: “Tại sao A-lê Ma-ha Ca-diếp vốn là gốc ngoại đạo mà lại dám dùng từ trẻ con để quở trách A-lê A-nan Bê-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra.”

⁵⁹. Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa. Pāli: tikabhojana, một bữa ăn chỉ ba người (trở xuống). Luật Tỳ-kheo gọi là "Biệt chúng thực"; Tứ phần, Ba-dật-đề 33; Ngũ phần, Ba-dật-đề 32; Tăng-kỳ, Ba-dật-đề 40; Pāli, pācittiya 32; gaṇabhojana. Bốn Tỳ-kheo trở lên thành một nhóm, tách ra khỏi Tăng, cùng đi khát thực chung và cùng ăn chung tại một nhà thí chủ, gọi là Biệt chúng thực.

⁶⁰. Hán: túc sĩ chúng hoại 宿士衆壞, chúng kỳ cựu bị phá hoại. Pāli: palujjanti... navappayā.

⁶¹. Đê-xá 低舍. Pāli: Thullatissā.

Tôn giả Ca-diếp dùng thiên nhĩ nghe được những ác ngôn thốt ra từ miệng Tỳ-kheo-ni Đê-xá khi lòng không hoan hỷ. Nghe xong nói với Tôn giả A-nan rằng:

“Ông có thấy Tỳ-kheo-ni Đê-xá, tâm không hoan hỷ, miệng thốt ra những lời nói ác: ‘Ma-ha Ca-diếp gốc từ ngoại đạo mà dám quở trách A-lê A-nan Bê-đề-ha-mâu-ni, khiến cho cái danh trẻ con lan ra?’”

Tôn giả A-nan đáp:

“Xin thôi! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Hãy nhin! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Đó là mục già ngu si, không có trí tự tánh.”

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan:

“Từ khi ta xuất gia đến nay, không biết có vị thầy nào khác, ngoài Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ra. Khi chưa xuất gia ta thường suy nghĩ đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Biết là tại gia công việc bận rộn, nhiều phiền não, nếu xuất gia sống không nhà, người thế tục thì khó sống đời sống không nhà, một mực trong sạch, suốt đời thuần nhất thanh tịnh tràn đầy, phạm hạnh thanh bạch, nên ta đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, không nhà; đem y quý, trị giá trăm ngàn lượng vàng cắt nhỏ từng mảnh may thành Tăng-già-lê. Nếu nghe ở thế gian có A-la-hán nào, thì đi theo xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, ta gặp Thế Tôn, thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn tịch tĩnh vắng lặng không gì bằng, giống như núi vàng, ở khoảng giữa tụ lạc Na-la⁶² thành Vương xá và tháp Đa tử⁶³. Khi ta thấy rồi, tự nghĩ: ‘Đây là Thầy ta. Đây là Thế Tôn. Đây là La-hán, đây là Đẳng Chánh Giác.’ Lúc ấy, Ta nhất tâm chấp tay kính lễ bạch Phật:

“Ngài là Đại Sư con. Con là đệ tử!”

Phật bảo ta rằng:

“Thật vậy, Ca-diếp! Ta là Thầy của ông. Ông là đệ tử. Nay Ca-diếp, nay ông đã thành tựu tâm thanh tịnh chân thật, ông là người đáng cung kính. Người không biết, nói biết, không thấy, nói thấy; người thật không phải A-la-hán, mà nhận là A-la-hán; người không phải Đẳng

⁶². Na-la tụ lạc 那羅聚落. Pāli: Nalanda.

⁶³. Đa tử tháp 多子塔. Pāli: Bahuputta-cetiya.

Chánh Giác mà nói là Đẳng Chánh Giác, thì tư nhiên thân họ sẽ bị nát thành bảy mảnh. Nay Ca-diếp, nay Ta biết, nên nói biết; thấy, nên nói thấy; thật A-la-hán nói A-la-hán; thật Đẳng Chánh Giác nói Đẳng Chánh Giác. Nay Ca-diếp, nay Ta có nhân duyên vì Thanh văn thuyết pháp, không phải không có nhân duyên; có y cứ không phải không y cứ, có thần lực không phải không thần lực. Cho nên, nay Ca-diếp, nếu muốn nghe pháp phải học như vậy; nếu vì nghĩa lợi, vì hữu ích, muốn nghe pháp, thì phải một lòng cung kính tôn trọng, chuyên tâm lắng nghe và tự nghĩ rằng: Đối với sự sanh diệt của ngũ ấm, sự tập khởi, sự diệt tận của lục xúc nhập xứ, ta phải chánh quán. Đối với tứ niệm xứ, phải chánh niệm lạc trụ; tu tập bảy Giác phần, tám giải thoát, tự thân tác chứng; lúc nào cũng nghĩ thân này chưa từng đoạn tuyệt, xa lìa sự không tầm quý. Đối với phạm hạnh và đạo đức của Đại Sư, thường giữ tâm tầm quý, nên học tập như vậy.

“Bấy giờ, Thế Tôn vì ta mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng làm cho ta hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho ta hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi, ta cũng đi theo về trụ xứ. Ta lấy cái y giá trị trăm ngàn lượng vàng cất may thành Tăng-già-lê, gấp bốn làm tòa ngồi. Bấy giờ, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo. Ta trải y ra làm tọa cụ thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn ngồi xuống, lấy tay sờ y khen rằng:

“Ca-diếp, y này nhẹ mịn, mềm mại.”

Lúc ấy, ta thưa:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, y này nhẹ mịn, mềm mại, xin Thế Tôn nhận y này của con.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông nên nhận y phấn tảo của Ta, Ta sẽ nhận y Tăng-già-lê của ông.”

Phật liền tự tay trao y phấn tảo trao cho ta. Ta liền dâng Tăng-già-lê cho Phật. Rồi lần lượt giáo thọ như vậy, trong vòng tám ngày, ta đã học pháp lãnh thọ nơi khát thực, cho đến ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Nay A-nan, nếu có ai hỏi rằng: ‘Ai là Pháp tử của Thế Tôn, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp và các thiên giải thoát, tam-muội chánh thọ?’ Thì nên đáp, đó là ta. Như vậy là nói chân chánh.

“Giống như người con trưởng thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương, sẽ bằng phép quán đảnh mà ngồi lên vương vị, hưởng thụ ngũ dục của vua, không phải dùng phương tiện khổ, tự nhiên hưởng được. Ta cũng như vậy, là Pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, đắc pháp và pháp tài khác như thiên định, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không phải dùng phương tiện khổ, mà tự nhiên được.

“Thí như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, sáu thần thông trí thành tựu của ta có thể che rợp. Nếu đối với cảnh giới thần thông và trí chứng, có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết về thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận, tác chứng trí thông. Nếu có người nào nghi hoặc, ta có thể vì họ phân biệt, ký thuyết, khiến họ được quyết định.”

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, như voi báu của Chuyển luân Thánh vương cao bảy, tám khuỷu tay mà dùng một lá đa-la có thể che rợp. Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, sáu thần thông trí có thể che rợp. Nếu có người nào nghi hoặc về cảnh giới thần thông, tác chứng trí... *cho đến* lậu tận, tác chứng trí, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp có thể vì họ ký thuyết khiến họ được quyết định. Đối với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tôi luôn luôn kính tín tôn trọng.”

Vì có thần lực đức độ lớn như vậy, nên khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe những gì ngài nói, hoan hỷ thọ trì.



TẬP A-HÀM QUYỂN 42

KINH 1145. ỪNG THÍ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc² đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nên thí cho những người nào?”

Phật đáp:

“Đại vương, tùy vào sở thích của tâm.”

Vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

“Nên thí chỗ nào để được quả báo lớn?”

Phật đáp:

“Đại vương, đây là câu hỏi khác. Câu hỏi: ‘Nên thí chỗ nào’, đây là một câu hỏi khác. Lại hỏi: ‘Thí chỗ nào sẽ được quả báo lớn’, đây lại là câu hỏi khác.³

“Bây giờ Ta hỏi Đại vương và cứ tùy ý trả lời Ta:

“Này Đại vương, giả sử nước này, khi lâm trận chiến đấu, tập hợp các chiến sĩ, trong đó có một người con trai của Bà-la-môn từ phương Đông đến, tuổi nhỏ, ấu trĩ, yếu ớt, đoan chánh, da trắng, tóc đen, không tập võ nghệ, không học sách lược chiến thuật, sợ hãi rút lui, khiếp nhược không thể tự an được, không dám nhìn kẻ địch, hoặc đâm hay bắn, không có phương tiện, nên không thể đả thương địch. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có thưởng không⁴?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thưởng.”

“Cũng vậy Đại vương, có đồng tử Sát-lợi từ phương Nam đến.

¹ Đại Chánh, quyển 42. Quốc Dịch, quyển 36, “Tụng vii Kệ; 4. Tương ứng Câu-tát-la”, phẩm 2 tiếp theo. Ấn Thuận, “Tụng viii Tám chúng; 20. Tương ứng Sát-lợi” tiếp theo (Đại Chánh quyển 40, kinh 1226-1239). Phật Quang, quyển 42. Đại Chánh kinh 1145, Pāli, S. 3. 3. Issattha. Biệt dịch, N^o100(68).

² Ba-tư-nặc 波斯匿. Pāli: Pasenadi.

³ Pāli: kattha dānaṃ dātabbaṃ, “sự cho cần được cho ở đâu?”; kattha dinnam mahapphalam, “vật cho ở đâu có kết quả lớn?”

⁴ Pāli: bhareyyāsi taṃ purisaṃ, “Vua có phù trì người ấy không?”

Đồng tử BỀ-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, không có võ thuật, giống như con trai của Bà-la-môn từ phương Đông. Vua có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thưởng.”

Phật hỏi Đại vương:

“Khi nước này tập hợp quân vào trận chiến đấu, có đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến, trẻ tuổi, đoan chánh, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến không rút lui, đứng yên xem xét tình hình, múa đao cự địch có thể làm thương tổn, phá hoại. Thế nào, Đại vương, người như vậy Đại vương có trọng thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sẽ trọng thưởng.”

“Cũng vậy, Đại vương, có đồng tử Sát-lợi từ phương Nam đến. Đồng tử BỀ-xá từ phương Tây tới. Đồng tử Thủ-đà-la từ phương Bắc tới, trẻ tuổi, đoan chánh, da trắng tóc đen, giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ hãi, khổ chiến cự địch, đều như những đồng tử Bà-la-môn từ phương Đông đến. Những chiến sĩ như vậy, nhà vua có thưởng không?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sẽ trọng thưởng.”

Phật nói:

“Này Đại vương, cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn, xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; nếu ai thí vào ruộng phước này thì được phước lợi lớn, được quả báo lớn. Những gì là lìa bỏ năm chi? Tham dục cái, sân nhuế, ngu si, trạo hối, nghi cái đã đoạn, đã biến tri. Đó gọi là lìa bỏ năm chi. Những gì là thành tựu năm chi? Thành tựu giới thân vô học, định thân vô học, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân. Đó gọi là thành tựu năm chi.

“Này Đại vương, người nào lìa bỏ năm chi, thành tựu năm chi, kiến lập phước điền; thí vào ruộng phước này thì sẽ được quả báo lớn.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Múa kiếm chiến đấu giỏi,
Là dũng sĩ kham năng.*

Vì họ người chiến đấu,
 Nên theo công trọng thưởng.
 Không thưởng dòng danh tiếng,
 Người khiếp nhược, yếu hèn:
 Nhân nhục tu hiền lương,
 Thấy Đế, lập phước điền.
 Đủ luật nghi Hiền thánh,
 Thành tựu trí thâm diệu;
 Dòng họ tuy thấp hèn,
 Kham làm ruộng phước thí.
 Y thực, tiền, của báu,
 Giường nằm cùng các loại;
 Đều nên thí cung kính,
 Do trì giới thanh tịnh.
 Mé rừng vắng, xa người,
 Đào giếng, cấp bộ hành.
 BẮC cầu qua khe suối.
 Làm quán trọ đường xa.
 Chúng đa văn giới đức,
 Đi đường được dừng nghỉ.
 Thí như mây đầy giăng,
 Sấm chớp vọng vang rền;
 Mưa rơi khắp mặt đất,
 Trăm cỏ chen nhau vươn;
 Cầm thú thấy vui vẻ,
 Nông phu cũng vui mừng.
 Cũng vậy, tâm tịnh tín,
 Văn, tuệ, xả keo bản;
 Tiên của, ăn uống đủ,
 Thường thí ruộng phước tốt.
 Xướng lớn, càng ưa thí,⁵

⁵. Hán: cao xướng tăng hoan thọ 高唱增歡受 (bản Cao-ly: ái 愛). Pāli: āmodamāno pakireti, detha dethāti bhāsati, phân phát với tâm hoan hỷ, người ấy nói, "Hãy bố thí! Hãy bố thí."

*Như sấm mưa ruộng tốt;
 Công đức chảy nhuần khắp,
 Thấm ướt tâm thí chủ.
 Được nổi tiếng, giàu có,
 Và quả lớn Niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
 *

KINH 1146. SÁNG TỐI⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thế nào, bạch Thế Tôn, Bà-la-môn chết rồi có sanh trở lại dòng Bà-la-môn hay sanh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?”

Phật nói:

“Này Đại vương, sao được như vậy! Đại vương nên biết, có bốn loại người. Những gì là bốn? Có một loại người từ tối vào tối; có một loại người từ tối vào sáng; có một loại người từ sáng vào tối; và có một loại người từ sáng vào sáng.

“Đại vương, thế nào là loại người từ tối vào tối? Có người sanh vào nhà thuộc dòng thấp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, làm đồ tre, nhà người kéo xe và những nhà làm nghề nghiệp công xảo hạ tiện khác; bản cùng, đoán mạng, hình thể tiều tụy mà lại tu hành theo nghiệp thấp kém, cũng lại bị người hạ tiện sai khiến. Đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu⁷, bỏ ác lấy

⁶. Pāli, S.3.21. Puggala. Biệt dịch, N^o100(69).

⁷. Pāli: lohita-mālā vā lohita-malaṃ gaccheyya, từ chỗ vấy bẩn máu đi đến chỗ vấy bẩn máu.

ác. Người từ tối vào tối cũng lại như vậy, cho nên gọi là từ tối vào tối.

“Thế nào là từ tối vào sáng? Người sanh vào nhà thấp hèn cho đến bị người sai làm những điều hèn hạ. Đó gọi là tối. Nhưng người ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành; vì những lý do này, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào đường lành, được hóa sanh cõi trời. Thí như người lên giường⁸, cỡi ngựa, từ ngựa tiến lên voi; từ tối vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là người từ tối vào sáng.

“Thế nào là người từ sáng vào tối? Có người đời sanh vào gia đình giàu sang khoáng lạc như nhà dòng lớn Sát-đế-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, nhà dòng lớn Trưởng giả, cùng sanh vào những gia đình giàu có khoáng lạc khác, có nhiều tiền bạc, cửa cải, nô tỳ, người sai khiến, nhóm họp nhiều người thân quen, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh vào đường ác, rơi vào trong địa ngục. Giống như có người từ lầu cao, xuống cưỡi voi lớn, xuống voi lớn cưỡi ngựa, xuống ngựa đi xe, xuống xe ngồi giường, xuống giường đi đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối lại cũng như vậy.

“Thế nào là có người từ sáng vào sáng? Có người sanh vào nhà giàu sang vui vẻ,... *cho đến* hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Vì lý do này, khi thân hoại mạng chung, sanh lên đường lành, được hóa thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán;... *cho đến* từ giường đến giường; người từ sáng vào sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ sáng vào sáng.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Người bản cùng khốn khổ,
Không tín, thêm sân hận;
Tướng tà ác, xan tham,
Si mê không cung kính.
Gặp Sa-môn, đạo sĩ,*

⁸. Hán: đăng sàng 登床. Pāli: pathaviyā pallaṅkam `āroheyya, "người từ đất nhảy lên kiệu".

Người đa văn, trì giới;
 Hủy báng, không khen ngợi,
 Ngăn người cho và nhận.
 Những người như vậy đó,
 Từ nay đến đời khác,
 Sẽ đọa vào địa ngục;
 Là từ tối vào tối.
 Nếu có người bản cùng,
 Tín tâm, ít sân hận;
 Thường sanh tâm tâm quý,
 Bồ thí lià keo bản.
 Gặp Sa-môn, Phạm chí,
 Người đa văn, trì giới;
 Khiêm cung mà thưa hỏi,
 Tùy nghi khéo cúng cấp.
 Khuyên người nên bồ thí,
 Khen người cho và nhận.
 Người tu thiện như vậy,
 Từ nay đến đời khác.
 Sanh đường lành cõi trời,
 Là từ tối vào sáng.
 Người giàu có khoái lạc,
 Không tín, nhiều sân hận;
 Tưởng ác, xan tham, tật,
 Tà mê không cung kính.
 Gặp Sa-môn, Phạm chí,
 Hủy báng không khen ngợi;
 Cảnh trở người bồ thí,
 Và ngăn người đến nhận.
 Những người ác như vậy,
 Từ nay đến đời sau,
 Rơi vào khổ địa ngục;
 Là từ sáng vào tối.
 Nếu người giàu của cải,
 Tín tâm, không sân hận;

Thường sanh tâm tầm quý,
 Bố thí, lìa sân nhuế.
 Gặp Sa-môn, Phạm chí,
 Người đa văn, trì giới,
 Trước nghinh tiếp thưa hỏi,
 Tùy nghi cấp vật cần.
 Khuyên người nên cúng dường,
 Khen người cho và nhận.
 Những người như thế đó,
 Đời này đến đời sau,
 Sanh cõi Tam thập tam,
 Là từ sáng vào sáng.

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
*

KINH 1147. NÚI ĐÁ⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm¹⁰, vua Ba-tư-nặc thân đích đầy bụi bặm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Phật hỏi:

“Đại vương từ đâu đến?”

Vua đáp:

“Bạch Thế Tôn, con theo pháp của Quán đảnh vương¹¹, tự tại trong loài người¹², tinh cần phương tiện, thống lĩnh cõi đất, thống lý vương sự, sau khi đi xem xét mọi nơi rồi đến đây.”

⁹. Pāli, S.3.25. Pabbatūpamā. Biệt dịch, N^o100(70).

¹⁰. Bản Cao-ly, Ấn Thuận: nhật nhật 日日 ; mỗi ngày. Biệt dịch: nhật trung 日中 , giữa trưa. Phật Quang: bạch nhật 白日 , ban ngày. Pāli: divādivassa, buổi sáng sớm.

¹¹. Quán đảnh vương. Pāli: Khattiya-muddhāvasitta-rājan, vua thuộc dòng Sát-đế- lợi, đăng quang bằng phép quán đảnh.

¹². Pāli: issariyamadamattam, kiêu hãnh với vương quyền.

Phật bảo Đại vương:

“Nay hỏi Đại vương, cứ tùy ý trả lời Ta. Thí như có người từ phương Đông lại, có tín, có duyên¹³, chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: ‘Tôi từ phương Đông lại, thấy một núi đá, rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sanh vật đều bị nghiền nát.’ Từ phương Nam, Tây, Bắc cũng có người đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, đến tâu với vua rằng: ‘Tôi thấy một núi đá rất vuông vức to lớn, không bị đục thủng, không bị phá hoại, cũng không xói lở, đang nghiền đất mà đến. Tất cả cây cỏ và sanh vật đều bị nghiền nát.’ Ý Đại vương thế nào? Sự việc khủng bố, hiểm ác, chết chóc lớn lao như vậy xảy đến; vận của chúng sanh đã hết; sanh làm người thật khó. Đại vương sẽ phải tính sao?”

Vua bạch Phật:

“Nếu như vậy, thì không còn cách tính nào khác, chỉ còn cách tu thiện, chuyên tâm phương tiện nơi Pháp luật của Phật.”

Phật bảo Đại vương:

“Cớ sao lại nói là những chuyện hiểm ác khủng bố chợt xảy đến cho đời, vận của chúng sanh đã hết, thân người khó được; chỉ còn phải thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, phải chuyên tinh phương tiện nơi giáo pháp của Phật? Vì sao không nói, địa vị của Quán đảnh vương, đứng đầu trên mọi người, uy quyền tự tại, thống lãnh đại địa, sự vụ, nhân dân để đối phó sự việc ấy?”

Vua bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đó là nói khi thanh bình, thì vương vị quán đảnh là đứng đầu mọi người, thống lãnh cõi đất, để doanh lý mọi việc. Dùng tài sản đấu tài sản. Dùng voi đấu voi. Dùng xe đấu xe. Dùng bộ đấu bộ. Hoặc thắng hoặc bại, ngay lúc đó không thể tự chủ. Cho nên, con nói đến khi sự việc hiểm ác khủng bố xảy đến, chúng sanh vận cùng, thân người khó được; khi đó không có kế nào khác, mà chỉ còn có thực hành theo pháp, hành nghĩa, hành phước, chuyên tâm quay về nương tựa nơi giáo pháp của Phật.”

¹³. Hán: hữu tín, hữu duyên 有信有緣. Pāli: saddhāyiko paccayiko, người thân tín, đáng tin cậy.

Phật bảo Đại vương:

“Đúng thế! Đúng thế! Thường xuyên bị nghiền nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chết, khổ, não nghiền nát chúng sanh, sẽ phải làm sao? Chính là phải tu nghĩa, tu phước, tu thiện, tu từ, ở trong Phật pháp tinh cần phương tiện.”

Bấy giờ, Phật nói kệ:

*Như có núi đá lớn,
Cao rộng không hoại khuyết;
Khắp từ bốn phương đến,
Nghiền nát đại địa này.
Không binh mã, chú thuật,
Sức mạnh để phòng ngự.
Kiếp ác, già, bệnh, chết,
Thường nghiền nát chúng sanh.
Bốn chủng tộc, dòng lớn,
Thợ săn, Chiên-đà-la,
Tại gia và xuất gia,
Người trì giới, phạm giới.
Tất cả bị nghiền nát,
Không ai cứu hộ được.
Cho nên người trí tuệ,
Quán sát lợi tự mình.
Kiến lập lòng tin sạch,
Tin Phật, Pháp, Tăng bảo;
Thân, khẩu, ý thanh tịnh,
Tùy thuận theo Chánh pháp.
Đời này được tiếng khen,
Mạng chung sanh lên trời.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
*

KINH 1148. XÀ-KỠ-LÀ¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Khi ấy có bảy người Ni-kiền Tử, bảy người Xà-kỳ-la¹⁵, bảy người Nhất-xá-la¹⁶, thân thể thô lớn, đang đi lượn quanh, rồi đứng trước cửa tinh xá Kỳ-hoàn. Vua Ba-tư-nặc từ xa trông thấy họ đang lượn quanh ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi ra trước cửa, chấp tay bạch hỏi và tự xưng tên ba lần: “Tôi là vua Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la.”

Bấy giờ, Phật hỏi vua:

“Vì cớ gì, hôm nay bệ hạ lại cung kính những người đó, chấp tay thưa hỏi, ba lần xưng tên họ?”

Vua bạch Phật:

“Con tự nghĩ ở thế gian nếu có những vị A-la-hán, thì chính họ là những vị đó.”

Phật dạy bảo vua Ba-tư-nặc:

“Này bệ hạ, thôi đủ rồi. Chính bệ hạ cũng không phân biệt được đó có phải là A-la-hán thật, hay không phải là A-la-hán, vì không có được tha tâm trí. Vả lại cần phải gần gũi, xem xét giới hạnh của họ¹⁷, một thời gian lâu mới có thể biết được; chớ tự quyết vội vàng. Hãy xem xét kỹ, không chỉ hỏi hợt¹⁸; hãy dùng trí tuệ, chớ không phải vô trí. Phải kinh qua các khổ cực khó khăn, mới có khả

¹⁴. Pāli, S.3.11. Jaṭṭila. Biệt dịch, N^o100(71).

¹⁵. Xà-kỳ-la 閼祇羅. Pāli: Jaṭṭila, đạo sĩ bện tóc.

¹⁶. Nhất-xá-la 一舍羅. Pāli: ekasāṭaka, ngoại đạo một y (khoác một mảnh vải duy nhất).

¹⁷. Pāli: saṃvāsena ... sīlāṃ veditabbāṃ, bằng sự sống chung mà biết được giới hạnh của một người.

¹⁸. Pāli: saṃvohārena ... soceyyāṃ veditabbāṃ, bằng nghiệp vụ chung mới biết được sự thanh tịnh của một người.

năng tự mình biện biệt¹⁹, đối chiếu so sánh, thật giả sẽ phân biệt được. Thấy lời nói mới biết sự sáng suốt²⁰, chứ không thể phân biệt vội vàng, cần phải dùng trí tuệ tư duy quán sát.”

Vua bạch Phật:

“Lạ thay! Bạch Thế Tôn, khéo nói lý này. Phải tiếp xúc chuyện trò một thời gian lâu, quán sát giới hạnh của họ... *cho đến* thấy sự nói năng hiểu biết rõ ràng.

“Con có người nhà cũng đi xuất gia. Mang hình tướng cũng như những người này, đi khắp các nước và khi trở về lại, khi cởi bỏ y phục kia, là trở lại hưởng thọ ngũ dục. Cho nên, nên biết, Thế Tôn nói đúng, nên cùng họ sống chung để xem xét giới hạnh của họ,... *cho đến* nói năng mà biết có trí tuệ.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Không do thấy hình tướng,
Biết thiện ác của người.
Không phải vừa gặp nhau,
Mà cùng đồng tâm chí.
Điều kín hiện thân, miệng,
Tâm tục không kiểm thúc;
Giống như miếng đồng xỉ²¹,
Thếp lên lớp vàng ròng.
Trong ôm lòng tạp mọn,
Ngoài hiện oai nghi Thánh;
Đi khắp các quốc độ,
Lừa dối khắp thế gian.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tử-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

¹⁹. Pāli: āpadāsu... thāmo veditabbo, trong những khổ nạn mới biết sức chịu đựng của một người.

²⁰. Hán: kiến thuyết tri minh 見說知明. Pāli: sākacchāya ... paññā veditabbā, cùng đàm luận mới biết trí tuệ của một người.

²¹. Đại Chánh: 鋳石銅? Ấn Thuận, Phật Quang: thâu thạch đồng 鑄石銅, loại đồng đỏ. Pāli: patirūpako mattikakuṇḍalo, hoa tai bằng đất sét được thếp vàng.

KINH 1149. BẢY VUA²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, đứng đầu vua Ba-tư-nặc cùng bảy vị quốc vương²³ và các vị đại thần cùng họp nhau bàn luận như vậy:

“Trong ngũ dục, cái nào nhất?”

Có người nói:

“Sắc là nhất.”

Lại có người nói:

“Thanh, hương, vị, xúc là nhất.”

Trong đó có người nói:

“Chúng ta mỗi người đều cho của mình là nhất, rốt cùng không thể phán định. Hãy cùng nhau đến Thế Tôn, hỏi về nghĩa này. Cứ theo lời dạy Thế Tôn, sẽ cùng nhau ghi nhớ thọ trì.”

Bảy giờ, vua Ba-tư-nặc dẫn đầu bảy vị quốc vương và các đại thần, quyến thuộc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con bảy vị quốc vương và các đại thần, bàn luận như vậy: ‘Công năng năm thứ dục lạc, thứ nào hơn hết?’ Trong số này, có người nói sắc là hơn hết; có người nói thanh là hơn hết; có người nói hương là hơn hết; có người nói vị là hơn hết; có người nói xúc là hơn hết. Cuối cùng không thể quyết định, nên đến hỏi Thế Tôn, rốt cùng cái nào hơn hết?”

Phật bảo các vua:

“Mỗi người đều nói lên theo ý thích của mình, còn Ta thì nói khác. Vì lý do này, Ta nói về năm công năng của dục. Nhưng đối với sắc, có người tự vừa ý, chỉ yêu mến một thứ sắc, là thỏa mãn chí nguyện của mình. Giả sử có những sắc đẹp hơn, nhưng không phải sở ái của họ, thì sẽ không đụng đến, không ngó ngang đến. Nên chỉ nói thứ sắc sở ái của mình là nhất không còn sắc nào vượt lên trên nó. Như người yêu mến sắc; thanh, hương, vị, xúc cũng đều như vậy;

²². Pāli, S.3.12. Pañcarājāno. Biệt dịch, N^o100(72); N^o125(33.1).

²³. Pāli: năm vua.

những gì mình sở ái, thì liền cho đó là tối thắng, rồi hoan hỷ, ưa đắm. Cho dù có thứ vượt trên thứ đó nữa, nhưng vì không phải là sở dục của họ, nên họ không đụng đến, không ngó ngàng đến. Chỉ có những gì ta yêu là tối thắng tối diệu, không gì so sánh, không gì trên được.”

Bấy giờ giữa chúng có một Ưu-bà-tắc tên là Chiên-đàn²⁴ từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai hữu, chấp tay bạch Phật rằng:

“Thế Tôn khéo nói! Thiện Thệ khéo nói!”

Phật bảo Ưu-bà-tắc:

“Chiên-đàn khéo nói! Chiên-đàn, hãy nói đi!”

Khi ấy Ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng:

*Vua Ương-già quý tộc,
Đeo ngọc, giáp anh lạc.
Dân Ma-kiệt vui hạp,
Như Lai hiện nước này;
Tiếng đồn vang khắp nơi,
Như núi chúa Tuyết sơn;
Như hoa sen thanh tịnh,
Trong sạch không vết nhơ,
Nở theo ánh mặt trời,
Hương thơm xông khắp nước.
Hiện sáng nước Ương-kỳ²⁵,
Như mặt trời giữa không.
Quán tuệ lực Như Lai,
Như đêm đốt đuốc sáng;
Là mắt, ánh sáng lớn,
Đến Người vì quyết nghị.*

Khi ấy các quốc vương đều khen rằng:

“Ưu-bà-tắc Chiên-đàn khéo nói!”

²⁴ Chiên-đàn Ưu-bà-tắc 梅檀優婆塞. Pāli: Candanaṅgaliko upāsako.

²⁵ Hán: Ương-kỳ quốc minh hiển 央耆國明顯. Pāli: Aṅgīrasaṃ passaṃ-virocamānaṃ, “hãy xem Aṅgīrasa ánh sáng chói lọi”. Trong Pāli, Aṅgīrasa là xưng hiệu thường dùng để chỉ Phật, vì dòng họ Gotama nguyên thủy thuộc bộ tộc Aṅgīrasa. Bản Hán hiểu đây là tên một nước.

Lúc này, bảy vị quốc vương cởi bảy cái áo báu tặng cho Chiên-đàn.

Sau khi bảy vị quốc vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi Ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết các vị quốc vương đã đi rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chấp tay bạch Phật:

“Hôm nay bảy vị quốc vương để lại cho con bảy cái áo thượng hảo hạng này, xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà nhận bảy cái áo này.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì lòng thương xót, nên nhận bảy cái áo đó, Ưu-bà-tắc Chiên-đàn hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1150. THỎ SUYỄN²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, với thân thể mập lớn, mồ hôi ướt đẫm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, hơi thở hỗn hển.

Bấy giờ, Thế Tôn nói vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương thân thể mập quá!”

Đại vương bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Con đang lo về cái thân quá mập và thường rất khổ sở, rờm chán, hổ thẹn, vì cái thân mập béo này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Người nên tự cột niệ,
 Khi ăn biết tiết độ;
 Thì các thọ sẽ giảm,
 Yên ổn mà sống lâu.*

Khi ấy có một thiếu niên tên là Uất-đa-la²⁷ ngồi giữa hội chúng. Vua Ba-tư-nặc nói với Uất-đa-la rằng:

²⁶. Pāli, S.3.13. Donapāka. Biệt dịch, N^o100(73).

²⁷. Uất-đa-la 鬱多羅. Pāli: Sudassano māṇavo.

“Khanh có thể ghi nhớ bài kệ vừa được nói này từ Thế Tôn, rồi đến mỗi bữa ăn đọc lên cho ta được không? Nếu được; ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng và sẽ thường xuyên ban cho thức ăn.”

Uất-đa-la tâu vua:

“Xin vâng lời dạy. Tôi sẽ đọc!”

Sau khi vua Ba-tư-nặc nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Khi ấy Uất-đa-la biết vua đã đi rồi, đến trước Thế Tôn xin nhận bài kệ Phật đã nói. Khi vua ăn, cứ mỗi bữa vua ăn đều tụng lên, tâu rằng: “Đại vương, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, đã nói bài kệ này:

*Người nên tự cột niệm,
Khi ăn biết tiết độ;
Thì các thọ sẽ giảm,
Yên ổn mà sống lâu.*

Như vậy, từ đó trở đi, vua Ba-tư-nặc thân thể gầy thon lại, tướng mạo đoan chánh. Ở trên lầu, hướng về chỗ Phật ở, vua cung kính chấp tay quỳ sát đất, nói ra ba lần như vậy:

“Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đã ban cho con những lợi ích trong hiện tại và đời sau. Đời này, đời sau được lợi ích do biết tiết độ ăn uống.”

**
*

KINH 1151. A-TU-LA²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ.

²⁸. Quốc Dịch, quyển 36, phần cuối, “Tụng vii. Kệ. 5. Tương ứng Bà-la-môn”, hai phẩm. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng; 21. Tương ứng Bà-la-môn” ba mươi tám kinh: 1250-1287 (Đại Chánh, quyển 42, kinh 1151-1163; quyển 3 (phần cuối) và quyển 4 (phần đầu), kinh 88-102; quyển 44 (phần đầu), kinh 1178-1187). Quốc Dịch, phẩm 1. Pāli, S.7.3. Asurinda. Biệt dịch, N^o100(74).

Khi ấy có một thiếu niên A-tu-la²⁹ đến chỗ Phật, ở trước Phật dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ ly, chỉ trích Phật³⁰.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Không giận, thẳng sân nhuế,
Lấy thiện phục bất thiện;
Bố thí phục keo kiệt,
Nói thật diệt nói dối.
Không mắng cũng không ngược,
Luôn trụ tâm Thánh hiền.
Người ác ôm sân hận,
Bất động như núi đá.
Kiềm giữ sân nhuế khởi,
Hơn giữ xe ngựa cuồng;
Ta nói đánh xe giỏi,
Không phải người cầm cương.*

Bấy giờ, thiếu niên A-tu-la, bạch Phật rằng:

“Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Cù-đàm dám trách mắng hủy nhục.”

Sám hối như vậy xong, A-tu-la nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1152. TÂN-KỶ-CA³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca³², đến chỗ

²⁹. Niên thiếu A-tu-la 年少阿修羅. Pāli: Asurindaka Bhāradvājo brāhmaṇo, người Bà-la-môn tên là Asurindaka Bhāradvāja.

³⁰. Bản Pāli: Nghe tin anh mình xuất gia theo Phật, Asurindaka giận dữ, đến mắng Phật.

³¹. Pāli, S.7.3. Akkosa. Biệt dịch, N^o100(75).

³². Tân-kỳ-ca Bà-la-môn 賓耆迦婆羅門; phiên âm từ Bilanḡika (?); xem cht.35, kinh 1153. Pāli: Akkosa Bhāradvājo brāhmaṇo; trong bản Pāli, người này là anh của người được đề cập trong kinh trên.

Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ ly, chỉ trích Phật.

Bấy giờ Thế Tôn bảo thiếu niên Tân-kỳ-ca:

“Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?”

Tân-kỳ-ca bạch Phật:

“Có! Bạch Cù-đàm!”

Phật bảo Tân-kỳ:

“Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực thì sẽ thế nào?”

Tân-kỳ bạch Phật:

“Nếu không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi.”

Phật bảo Tân-kỳ:

“Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai anh nói ra những lời mạ nhục, quở trách thô ác, bất thiện. Cuối cùng Ta không nhận, thì những lời trách mắng như vậy chúng sẽ thuộc về ai?”

Tân-kỳ bạch Phật:

“Như vậy, bạch Cù-đàm, tuy người kia không nhận, nhưng vì đã tặng nhau nên coi như đã cho rồi.”

Phật bảo Tân-kỳ:

“Như vậy, không gọi là quà tặng nhau, thì đâu được gọi là cho nhau?”

Tân-kỳ hỏi:

“Thế nào mới gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau? Thế nào gọi là không nhận quà tặng nhau, không gọi là cho nhau?”

Phật bảo Tân-kỳ:

“Hoặc sẽ như vậy: mắng thì trả mắng, sân thì trả sân, đánh thì trả đánh, đấu thì trả đấu; gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau³³. Lại nữa, Tân-kỳ, hoặc mắng không trả mắng, sân không trả sân, đánh không trả đánh, đấu không trả đấu; nếu như vậy thì không phải là quà tặng nhau, không gọi là cho nhau.”

Tân-kỳ bạch Phật:

³³. Hán: tương tặng di, tương dữ 相贈遺, 相與. Pāli: sambhuñjati, vitiharati; ăn chung với nhau (= giao tế), trao đổi nhau (giao hoán).

“Bạch Cù-đàm, tôi nghe chuyện xưa có vị trưởng lão Bà-la-môn, kỳ cựu, được trọng vọng, là bậc Đại Sư hành đạo, nói: ‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác bị người mạ nhục, sân nhuế, chỉ trích trước mặt, vẫn không sân, không giận.’ Mà nay Cù-đàm có sân nhuế chẳng?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Không sân sao có sân,
Chánh mạng để chế ngự;
Chánh trí, tâm giải thoát,
Người trí tuệ không sân.
Người lấy sân báo sân,
Thì chính là người ác;
Không lấy sân báo sân,
Chế ngự giặc khó chế.
Không sân thắng sân nhuế,
Ba kệ nói như trước.*

Bấy giờ, thiếu niên Tân-kỳ bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi. Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Sa-môn Cù-đàm dám nói ra lời trách mắng, sân si, thô ác, bất thiện.”

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

**
*

KINH 1153. MẠ LY (I)³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, vườn phía Đông, nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến dưới bóng mát giảng đường, đi kinh hành giữa khoảng đất trống. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá³⁵, đến chỗ Phật, trước mặt Phật thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ ly, chỉ trích. Thế

³⁴. Pāli, S.7.2. Akkosa. Biệt dịch, N^o100(76).

³⁵. Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá 健罵婆羅豆婆遮. Pāli: Akkosa-Bhāradvāja. Biệt danh Akkosa (Kiện Mạ), vì đến nhiếc mắng Phật.

Tôn kinh hành. Ông đi theo sau Thế Tôn. Khi Thế Tôn đã kinh hành xong, dừng lại một chỗ, Bà-la-môn nói:

“Cù-đàm! Bị thua chẳng?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Người hơn liền thêm oán,
Người thua nằm không yên.
Hơn thua đều buông xả,
Là được ngủ an lành.*

Bà-la-môn bạch:

“Bach Cù-đàm, nay xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời thô ác, bất thiện, mạ lỵ, chỉ trích!”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

**
*

KINH 1154. MẠ LỖ (2)³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc tử mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá³⁷, vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu người không sân hận,
Thì mạ nhục đến đâu,
Vẫn sạch không dính nhơ,
Ác kia trở lại mình.
Giống như người tung bụi,
Ngược gió hoàn tự nhơ.*

³⁶. Pāli, S. 7.4. Bilāṅgika. Biệt dịch, N^o100(77).

³⁷. Xem kinh 1153. Bản Pāli: Bilāṅgika.

Lúc ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, sao ở trước mặt. Cù-đàm thốt ra những lời mạ lỵ, quở trách, thô ác, bất thiện!”

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

**
*

KINH 1155. TRÁI NGHĨA³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi ấy có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa³⁹, nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, tự nghĩ: “Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp và sẽ bẻ lại nghĩa.” Nghĩ như vậy rồi, liền đến tinh xá tìm chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp cho vô lượng quyến thuộc đang vây quanh. Thế Tôn vừa thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đến, liền ngồi im lặng.

Bà-la-môn Vi Nghĩa bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, hãy thuyết pháp. Tôi mong muốn nghe.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Bà-la-môn Vi Nghĩa,
Chưa thể hiểu nghĩa sâu.
Lòng giận hờn, ganh tị,
Muốn cản trở pháp thuyết.
Điều phục tâm chống đối,
Những ý dục bất tín;
Dứt các bản chương ngăn,
Mới hiểu lời thâm diệu.*

³⁸. Pāli, S.7.16. Paccanika. Biệt dịch, N^o100(78).

³⁹. Vi Nghĩa 違義. Pāli: Paccanikasāta.

Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’

Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1156. BÁT HẠI⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy có Bà-la-môn Bát Hại⁴¹ đến chỗ Phật, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, tên con là Bát Hại, có xứng thật danh không?”

Phật bảo: ..

“Như thế này mới xứng thật danh: nếu thân bất hại, nếu miệng bất hại, nếu tâm bất hại thì mới xứng thật danh.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu thân không sát hại,
Cả khẩu, ý cũng vậy;
Thì đó là sát hại,
Không khùng bố chúng sanh.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Bát Hại nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ quay đầu lại mà đi.

**
*

KINH 1157. HỎA DỮ⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ buổi sáng, Thế Tôn đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ

⁴⁰. Pāli, S.7.5. Ahimsa. Biệt dịch, N^o100(79), N^o101(26).

⁴¹. Bát Hại 不害. Pāli: Ahimsaka.

⁴². Pāli, S.7.12. Udaya. Biệt dịch, N^o100 (80)

khất thực. Lần lượt đi khất thực, đến nhà Bà-la-môn Hỏa Dữ⁴³. Bà-la-môn vừa thấy Phật đến, liền bày đầy đủ các thức ăn ngon cúng dường đầy bát Thế Tôn. Hai ba ngày như vậy, lại đến nhà này khất thực, Bà-la-môn Hỏa Dữ vừa thấy Phật đến tự nghĩ: “Sa-môn đâu trọc sao lại đến mãi, vì tham thức ăn ngon chằng?”

Lúc ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ liền nói bài kệ:

*Trời ngày nào cũng mưa,
 Nông phu ngày đêm cày;
 Thường xuyên gieo giống lúa,
 Ruộng trâu lúa luôn luôn.
 Như người thường mang thai.
 Bò sữa mãi nhớ ghé.
 Thường luôn có người xin,
 Lúc nào cũng bố thí.
 Vì luôn mãi bố thí,
 Nên luôn nổi tiếng lớn.
 Nhiều lần quăng thây chết,
 Nhiều lần khóc tiếc thương.
 Nhiều lần sanh rồi chết,
 Nhiều lần khổ ưu, bi;
 Nhiều lần lấy lửa đốt,
 Nhiều lần bị trùng ăn.
 Nếu được đạo Hiền thánh,
 Không mãi thọ các hữu;
 Cũng không mãi sanh tử,
 Không mãi khổ ưu, bi.
 Không luôn luôn lửa đốt,
 Không mãi bị trùng ăn.*

Sau khi Bà-la-môn Hỏa Dữ nghe Phật nói kệ xong, khởi tín tâm trở lại và đem thức ăn cúng dường đầy bát Phật. Nhưng Thế Tôn không nhận vì nhân nói kệ mới được cúng. Lại nói kệ:

⁴³. Hỏa Dữ 火與. (Pāli: Aggidatta?). Nhưng, bản Pāli: Udaya.

*Nhân vì nói kệ pháp,
 Không nên nhận thức ăn;
 Nên quán sát tự pháp,
 Thuyết pháp, không nhận ăn.
 Bà-la-môn nên biết,
 Đó là lối sống tịnh.
 Nên cúng dường người khác,
 Bạc Đại Tiên thuần tịnh,
 Đã hết các hữu lậu,
 Pháp như đã đoạn tất;
 Cúng dường các thức ăn,
 Cho ruộng phước tốt này.
 Người muốn cầu phước đức,
 Thì ruộng Ta là tốt.*

Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật:

“Thức ăn này bây giờ nên để chỗ nào?”

Phật bảo:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời có thể ăn đồ tín thí này mà thân được an lạc. Ông nên đem thức ăn này bỏ vào nước không trùng và đất ít cỏ mọc.”

Khi ấy Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không trùng. Nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Giống như hòn sắt nung đỏ bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Cũng lại như vậy, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, sôi thành tiếng xèo xèo. Lúc đó, Hỏa Dữ Bà-la-môn khen rằng:

“Lạ thay! Cù-đàm đức độ lớn, thân lực lớn, có thể khiến thức ăn này hiện thân biến.”

Bấy giờ, Hỏa Dữ Bà-la-môn nhân thấy thức ăn thân biến này nên phát tâm kính tín, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con có thể được xuất gia, thọ giới cụ túc và tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông có thể xuất gia, thọ cụ túc và tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp.”

Bà-la-môn liền xuất gia và tự suy nghĩ đến lý do khiến những thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà... *cho đến* đấng A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

**
*

KINH 1158. BÀ-TỨ-TRA⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có một nữ Bà-la-môn là Bà-tứ-tra⁴⁵, tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng. Đối với Phật, Pháp, Tăng đã dứt hồ nghi; đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng đã dứt nghi hoặc, thấy đế, đắc quả, được tuệ vô gián⁴⁶. Chồng của bà là Bà-la-đậu-bà-giá thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Mỗi khi bà làm công việc gì mà có chút ít nên hay hư, đều niệm: “Nam-mô Phật”, hướng về phương nào mà ở đó Như Lai đang trụ, chắp tay nói ba lần: “Nam-mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà⁴⁷, thân chói sáng như vàng ròng, sáng xa một tầm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, Đấng Mâu-ni khéo nói diệu pháp, là Thượng Thủ Tiên Nhân, là Đại Sư của con.”

Bấy giờ người chồng Bà-la-môn nghe vậy, sân hận không vui, nói với vợ:

“Bà bị quý ám chằng? Không có lý này. Bà đã bỏ các vị đại đức Bà-la-môn tam minh⁴⁸ mà đi xưng tán lão Sa-môn đầu trọc, phần tử hắc

⁴⁴. Pāli, S.7.1. Dhānañjanī. Biệt dịch, N^o100(81).

⁴⁵. Bà-tứ-tra 婆肆吒. Pāli: Dhānañjanī.

⁴⁶. Vô gián tuệ 無間慧. Tống-Nguyên-Minh: vô văn tuệ 無聞慧.

⁴⁷. Nam-mô Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà 南無多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀. Pāli: Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

⁴⁸. Tam minh đại đức Bà-la-môn 三明大德婆羅門; đây chỉ ba bộ Vệ-dà nguyên thủy. Cf. Pāli, Di. 88: tiṇṇaṃ vedānaṃ pāragū, (người Bà-la-môn) tinh thông ba tập Vệ-dà.

ám, mà đời không ai khen⁴⁹. Bây giờ tôi sẽ đến cùng tranh luận với Đại Sư của bà thì đủ biết ai hơn thua.”

Người vợ nói với chồng:

“Tôi không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, các Thần và người đời mà ai có thể cùng tranh luận với Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng, chói sáng một tâm, thân tròn đầy như cây Ni-câu-luật, là Bạc Thượng Thủ Tiên Nhân, khéo nói pháp vi diệu, là Bạc Đại Sư của tôi. Nhưng bây giờ thì ông cứ đến đó để tự biết.”

Lúc ấy, Bà-la-môn liền đi đến chỗ Phật. Thăm hỏi ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Giết hại những thứ gì,
Mà giấc ngủ an ổn?
Giết hại những thứ gì;
Khiến tâm còn không lo?
Giết hại những thứ gì,
Được Cù-đàm khen ngợi?*

Bây giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ Bà-la-môn, Ngài nói kệ:

*Người giết hại sân hận,
Giấc ngủ được an ổn.
Người giết hại sân hận,
Thì tâm không còn lo.
Sân nhuế là rễ độc,
Hay hại hạt giống ngọt;
Người nào giết hại chúng,
Được Thánh hiền khen ngợi.
Nếu người nào hại chúng,
Tâm họ không còn lo.*

Khi ấy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật nói, được khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho vui mừng và lần lượt Ngài

⁴⁹. Cf. Di.90, văn Pāli về những lời mà Bà-la-môn chửi Phật và đệ tử: ye ca kho te ... muṇḍakā samaṇakā ibbhā kiṇhā bandhupādāpaccā, “bọn chúng là những Sa-môn trọc đầu, ti tiện, đen đui, con cháu của bọn tiện tì”.

thuyết pháp. Nghĩa là nói về bố thí, nói về trì giới, nói về pháp sanh lên trời, nói về sự mê đắm dục vị là tai hoạn, phiền não; về thanh tịnh xuất yếu, viễn ly, tùy thuận phúc lợi thanh tịnh, phân biệt một cách rộng rãi. Giống như tấm vải trắng trong sạch dễ được nhuộm màu, cũng vậy, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá ngay tại chỗ ngồi, đối với bốn Thánh đế mà chứng đắc hiện quán⁵⁰, thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bà-la-môn này thấy pháp, đắc pháp, biết pháp và nhập pháp, vượt qua khỏi mọi nghi hoặc, không do người khác độ. Đối với Chánh pháp luật được vô sở úy. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, chấp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Hôm nay sau khi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng rồi, suốt đời con nguyện làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con.”

Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

Trở về nhà mình, vợ ông Ưu-bà-di vừa thấy chồng về, liền thưa rằng:

“Ông đã cùng luận nghị với Thầy tôi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật là Thượng Thủ Tiên Nhân, Đấng Đại Mâu-ni khéo nói pháp phải không?”

Người chồng đáp:

“Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Quỷ thần hay người đời mà có thể luận nghị với Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thân sắc vàng ròng, sáng xa một tầm, thân đầy đặn như cây Ni-câu-luật, Bạc Tiên Nhân Thượng Thủ, khéo nói diệu pháp, là Đấng Mâu-ni, Đại Sư của bà. Bây giờ bà may cho tôi một pháp y tốt để tôi đem đến chỗ Thế Tôn xin xuất gia học đạo.”

Lúc ấy, người vợ lấy xấp vải lụa trắng, sai may pháp y cho ông. Bà-la-môn cầm y đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con có thể xuất gia học đạo, tu phạm hạnh,

⁵⁰. Đại Chánh: vô ngại đẳng 無礙等. Vô vô gián đẳng, tức hiện quán Thánh đế, xem các kinh trên (quyển 1, 3, 5, 6, 10...)

ở trong pháp của Thế Tôn được không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay, ông có thể xuất gia học đạo, tu các phạm hạnh, trong Pháp luật này.”

Ông liền xuất gia, một mình ở chỗ vắng suy tư về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo,... cho đến đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

**
*

KINH 1159. MA-CÙ⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Ma-cù⁵² đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi an úy xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, ở nhà con thường hay bố thí. Nếu một người đến thì bố thí cho một người. Nếu hai người, ba người cho đến trăm ngàn, tất cả đều bố thí hết. Con bố thí như vậy có được nhiều phước không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông bố thí như vậy, thật được phước lớn. Vì sao? Vì ở nhà ông thường làm việc bố thí. Một người đến xin liền thí cho một người. Hai người, ba người, cho đến trăm ngàn người đến xin, tất cả đều được thí cho, nên được phước lớn.”

Lúc ấy, Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ:

*Tại gia thường tổ chức,
Bố thí cùng đại hội;
Nhờ việc bố thí này,
Muốn cầu công đức lớn.
Nay xin hỏi Mâu-ni,
Những hiểu biết của con;
Đồng sở kiến Phạm thiên?*

⁵¹. Pāli, Sn. 3. 5. Māgha-sutta. Biệt dịch, N^o100(82).

⁵². Ma-cù 魔瞿. Pāli: Māgha māṇava.

Vì con phân biệt nói.
 Làm sao để giải thoát,
 Về đường lành thẳng diệu?
 Phương tiện nào để tu,
 Được sanh về Phạm thế?
 Tùy vui bố thí gì,
 Sanh Phạm thiên thù thắng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người lập đại hội thí,
 Tùy sở thích bố thí kia,
 Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
 Duyên vào công đức lành.
 Nhờ sự kiến lập đó,
 Mong xa lìa lỗi ác;
 Xa lìa nơi tham dục,
 Tâm kia khéo giải thoát.
 Tu tập nơi lòng từ,
 Công đức này vô lượng.
 Huống lại thêm chí thành,
 Mở đại hội thí khắp.
 Nếu ở trong hội này,
 Có được các tâm lành;
 Hướng đến khéo giải thoát,
 Hoặc đến đường thuận thiện.
 Nhân thù thắng như vậy,
 Được sanh về Phạm thiên;
 Người bố thí như vậy,
 Nhờ tâm kia bình đẳng.
 Nên sanh về Phạm thế,
 Thọ mạng được lâu dài.

Sau khi Bà-la-môn Ma-cù nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

*

KINH 1160. CẦM LỌNG VÀNG⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn dẫn theo tùy tùng cầm lọng hoa⁵⁴, mang xá-lặc⁵⁵, đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, an úy xong, ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

*Nếu phi Bà-la-môn,
Sở hành không thanh tịnh⁵⁶.
Sát-lợi tu khổ hạnh,
Cúng trái ngược với tịnh.
Bà-la-môn Ba kinh⁵⁷:
Đây mới là thanh tịnh;
Người thanh tịnh như vậy,
Chúng sanh khác không có.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Không biết đạo thanh tịnh,
Và các tịnh vô thượng;
Ai tìm tịnh nơi khác,
Cuối cùng không được tịnh.*

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chẳng? Thế nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng?”

⁵³. Pāli, S.7.7. Suddhika. Biệt dịch, N^o100(83).

⁵⁴. Bản Cao-ly: kim cái 金蓋. Bản Tống-Nguyên-Minh: hoa cái 華蓋. Ấn Thuận và Quốc Dịch đều đọc là kim cái: lọng có cán bằng vàng.

⁵⁵. Xá-lặc 舍勒; Huyền ứng âm nghĩa 16: “Xá-lặc, đây nói là y; hoặc nói là nội y”. Tức cái quần (Pāli: sāluka). Bản Pāli không có các chi tiết này.

⁵⁶. Hán: vô phi..., có lẽ dư một phủ định từ. Cf. Pāli, S. ibid.: Na brāmaṇo sujḡhati koci loke, sīlavā pi tapo karam, không Bà-la-môn trong đời này được thanh tịnh, dù có trì giới, tu khổ hạnh (trừ phi vị ấy tinh thông ba bộ Vệ-đà).

⁵⁷. Tam điển Bà-la-môn 三典婆羅門; chỉ Bà-la-môn tinh thông ba bộ Vệ-đà nguyên thủy.

Phật bảo Bà-la-môn:

“Chánh kiến là đạo thanh tịnh. Tu tập, tu tập nhiều chánh kiến, sẽ đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đã đoạn hẳn tham dục, đã đoạn hẳn sân nhuế, si mê, dứt hẳn hết cả phiền não, thì gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Sau khi tu tập, tu tập nhiều về chánh định, đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si và đoạn trừ hẳn tất cả phiền não thì gọi là thanh tịnh vô thượng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng chẳng? Bạch Cù-đàm, thế gian nhiều việc nay con xin kiếu từ trở về.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nên biết đúng thời.”

Bà-la-môn dẫn tùy tùng cầm lọng hoa, mang xá-lặc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1161. LA-HÁN PHÁP⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi úy lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Thế nào là Thi-la?
Thế nào là oai nghi?
Thế nào là công đức?
Thế nào gọi là nghiệp?
Thành tựu những pháp nào,
Bà-la-môn La-hán?*

⁵⁸. Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S.7.8. Aggika (không hoàn toàn tương đương). Biệt dịch, N^o100(84).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trí nhớ biết túc mạng,
Thấy sanh thiên, đường dữ;
Các thọ sanh đã đoạn,
Mâu-ni minh quyết định⁵⁹.
Biết tâm khéo giải thoát,
Giải thoát tất cả tham;
Đầy đủ cả ba minh,
Ba minh Bà-la-môn.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 1162. VỢ CHỒNG GIÀ⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, có Tôn giả A-nan đi theo sau Thế Tôn.

Khi ấy có hai lão nam nữ là vợ chồng, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu. Họ đến đầu ngõ hẻm, chỗ đốt phân rác, cùng ngồi chồm hồm hơi lửa. Thế Tôn thấy hai vợ chồng già này, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm. Thấy rồi, bảo Tôn giả A-nan:

“Ông có thấy hai vợ chồng kia, tuổi đã cao, các căn đã chín, lưng còng như móc câu, cùng ngồi chồm hồm hơi lửa, giống như hai con hạc già nhìn nhau với tâm dục nhiễm chăng?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo A-nan:

⁵⁹. Minh, chỉ ba minh vừa nêu trên: túc mạng trí minh, sanh tử trí minh, lậu tận trí minh.

⁶⁰. Biệt dịch, N^o100(85).

“Hai vợ chồng già này, vào thời thiếu niên, thân thể tráng kiện, nếu siêng năng tìm cầu tài vật, cũng có thể là gia chủ giàu có nhất trong thành Xá-vệ. Còn nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, tinh cần tu tập, thì cũng có thể chứng được thượng quả đệ nhất A-la-hán. Nếu ở giữa phần hai cuộc đời còn tráng kiện, siêng năng tìm cầu tài vật thì cũng có thể trở thành người giàu thứ hai trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả A-na-hàm. Nếu ở giữa phần ba trung niên, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tư-đà-hàm. Nếu ở phần thứ tư, khi tuổi già, siêng năng tìm cầu tài vật cũng có thể là người giàu thứ tư trong thành Xá-vệ. Nếu họ cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, cũng có thể chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhưng ngày hôm nay, họ tuổi già, các căn suy yếu, không có tiền của, không có phương tiện, không có khả năng; lại không thể kham năng nếu có tìm kiếm tiền của, cũng không có cách nào để chứng đắc Pháp thượng nhân được.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Vì không hành phạm hạnh;
Nên niên thiếu không của;
Suy nghĩ việc xa xưa,
Ngủ đất như cung cong.
Không tu hành phạm hạnh;
Niên thiếu không tài sản;
Giống như chim hạc già,
Chờ chết nơi đầm hoang.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

**
*

KINH 1163. GIÀ CHẾT⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Nói như trên chỉ có khác ở bài kệ:

*Hoại diệt bởi già chết,
Thân và cảm thọ diệt.
Chỉ có phước bố thí,
Là tư lương theo mình.
Nhiếp hộ nương vào thiện,
Và tu thiện công đức.
Tùy sức mà bố thí,
Tiền tài và ẩm thực.
Tỉnh thức giữa đám mê,
Không phải sống luống không.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.



⁶¹. Pāli, A. 3. 51-52. Jinna.

TẬP A-HÀM QUYỂN 43

KINH 1164. BÀ-LA-DIÊN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, có số đông các Tỳ-kheo² tụ tập tại giảng đường bàn luận như vậy:

“Chư Tôn, như lời Đức Thế Tôn đã đáp cho câu hỏi Bà-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc³:

*Nếu người biết nhị biên,
Không dính mắc khoảng giữa;
Được gọi Đại trượng phu,
Không mê luyến ngũ dục,
Thoát chỉ khâu ưu phiền⁴.*

“Chư Tôn, những câu này có nghĩa gì? Thế nào là biên? Thế nào là hai biên? Thế nào là giữa? Thế nào là thợ khâu? Thế nào là tự, do trí mới biết, bằng liễu tri mà liễu tri; khi được biết bởi trí, được liễu tri bởi liễu tri, thì tội mé khổ, thoát khỏi khổ?”

Có người đáp:

“Sáu nội nhập xứ là một biên; sáu ngoại nhập xứ là biên thứ hai;

-
- ¹. Đại Chánh quyển 43. Ấn Thuận, 2. Tương ưng Nhập xứ (Tụng 2), hai trăm tám mươi lăm kinh: 188-462; Đại chánh: 188-255 (cuối quyển 7 – hết quyển 9), 1164-1177 (quyển 43), 273-342 (quyển 11-12). Quốc Dịch, 2. Tương ưng Nhập, mười hai phẩm. Quốc Dịch, quyển 12, “2. Tương ưng Nhập”, phẩm 12. Phật Quang, quyển 10. Pāli, A. 6. 61. Pārāyana.
 - ². Pāli: Sambahulānaṃ therānaṃ bhikkhūnaṃ, số đông các Tỳ-kheo Thượng tọa.
 - ³. Bà-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn 波羅延低舍彌德勒所問; Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc (Tissametteyyamānava-pucchā), trong phẩm Ba-la-diên (Pārāyana). Pāli: Sn. 5. 3. Tisamettyamānavapucchā.
 - ⁴. Hán: siêu xuất phùng trất ưu 超出縫紉憂. Pāli: taṃ brūmi mahāpuriso'ti, so idha sibbinimaccagā, (...) người ấy Ta gọi là Đại trượng phu mà ở đây đã thoát khỏi người thợ may.

thọ là ở giữa; ái là thọ khâu. Thân cận với ái⁵, rồi do bởi nhân này nhân kia mà thân lần lần tăng trưởng xuất sanh⁶. Những pháp này do trí mà biết, do liễu tri mà liễu tri. Khi được biết bởi trí, được liễu tri bởi liễu tri, thì tốt mé khổ, mới thoát khỏi khổ.”

Lại có người nói:

“Đời quá khứ là một biên; đời vị lai là biên thứ hai; đời hiện tại là giữa; ái là thọ khâu. Tập cận những ái này, do bởi nhân này nhân kia mà thân lần lần tăng trưởng xuất sanh... *cho đến* thoát khổ.”

Lại có người nói:

“Thọ lạc là một biên; thọ khổ là biên thứ hai; không khổ không lạc là giữa; ái là thọ khâu. Tập cận những ái này, tự thân sở đắc do chúng lần lần tăng trưởng xuất sanh... *cho đến* thoát khổ.”

Lại có người nói:

“Hữu là một biên; tập là biên thứ hai; thọ là giữa; ái là thọ khâu. Như vậy nói đầy đủ,... *cho đến* thoát khổ.”

Lại có người nói:

“Thân là một biên; thân tập là biên thứ hai; ái là thọ khâu. Như vậy nói đầy đủ,... *cho đến* thoát khổ.”

Lại có người nói:

“Tất cả những gì chúng ta nói ra không giống nhau, chỉ đưa ra những dị thuyết, không hy vọng gì để hiểu được. Thế Tôn nói gì khác trong kinh “Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc”? Chúng ta nên đến Thế Tôn bạch hỏi, như những gì Thế Tôn dạy, chúng ta phụng trì.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thế nào, bạch Thế Tôn, có những thuyết khác nhau về kinh Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn, vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường, bàn luận như vậy: ‘Những gì mà Thế Tôn đã dạy trong kinh Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc sở vấn, về hai biên... *cho đến* thoát khổ.’ Có người bảo: ‘Nội lục nhập xứ là một biên, ngoại lục nhập xứ là

⁵. Đại Chánh: thọ 受 . Quốc Dịch và Phật Quang đọc là thọ 受 . Ấn Thuận đọc là ái 愛 .

⁶. Pāli: taṇhā hi naṃ sabbati tassa tasseva bhavassa abhinibbatiyā, do ái dật thành cái ấy nên dẫn đến sự xuất hiện của hữu.

biên thứ hai, thọ ở giữa, ái là thọ khâu. Nói đầy đủ như trước. Tất cả đều không quyết định được, nên hôm nay chúng con đến đây thỉnh vấn Thế Tôn về những nghĩa này. Những gì chúng con nói, ai là người nào nói đúng nghĩa?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Những gì các ông đã nói đều là khéo nói. Nay Ta sẽ vì các ông mà nói về kinh khác. Ta đã vì Ba-la-diên-đê-xá-di-đức-lặc, có nói kinh khác. Xúc là một biên; xúc tập là biên thứ hai; thọ⁷ là ở giữa; ái là thọ khâu. Sau khi đã tập cận ái rồi, thân này thân kia duyên vào đó mà tăng trưởng xuất sanh. Đối với pháp này, do trí mới biết, do liễu tri mà liễu tri. Do được biết bởi trí, liễu tri bởi liễu tri, mà tột cùng mé khổ, thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1165. TÂN-ĐẦU LÔ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Tân-đầu-lô⁹ ở trong vườn Cù-sư-la, tại Câu-diệm-di. Bấy giờ, có Quốc vương Bà-sa tên Ưu-đà-diên-na¹⁰, đến chỗ Tôn giả Tân-đầu-lô. Thăm hỏi nhau xong, ngồi lui qua một bên, Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na bạch Tôn giả Tân-đầu-lô:

“Có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh rỗi để đáp cho không?”

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

“Này Đại vương, Đại vương cứ hỏi, điều gì biết tôi sẽ đáp.”

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

“Nhân gì, duyên gì, mà các Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia chưa lâu ở trong Pháp luật này, sống rất an lạc, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi tốt, thích tĩnh, ít động, mặc tình người

7. Pāli: phassanirodho majjhe, xúc diệt là ở giữa.

8. Pāli, S. 35. 127. Bhāradvāja.

9. Tân-đầu-lô 賓頭盧. Pāli: Piṇḍolabhāradvāja.

10. Bà-sa vương Ưu-đà-diên-na 婆蹉王優陀延那. Udena.

khác mà sống¹¹, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất?”

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

“Như những gì Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: ‘Tỳ-kheo các ông, nếu gặp người nữ lớn tuổi thì nên coi như mẹ. Gặp người trung niên thì nên coi như chị em. Gặp người non trẻ thì nên coi như con. Vì nguyên nhân này nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn, các căn hòa duyệt, tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi mát, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất.’”

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

“Hiện tại người thế gian, tâm tham cầu, dù có gặp người lớn tuổi coi như mẹ, trung niên coi như chị, non trẻ coi như con. Nhưng lúc đó tâm họ cũng theo sự thiêu đốt của tham dục, sân nhuế, ngu si mà khởi lên. Còn có nhân duyên nào đặc biệt hơn không?”

Tôn giả Tân-đầu-lô nói với quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na:

“Còn có nhân duyên khác nữa. Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: ‘Thân này từ chân đến đỉnh đầu, bộ xương được trét bởi thịt, được che đậy bởi một lớp da mỏng, trong đó chứa đầy đầy những thứ bất tịnh. Quán sát tất cả: tóc, lông, móng, răng, bụi dơ, nước dãi, da, thịt, xương trắng, gân, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, ruột non, ruột già, bào, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mỡ, tủy, đàm âm, mủ, máu, dịch não, phần, nước tiểu¹².’ Đây Đại vương, vì nhân này, duyên này, nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này, vẫn sống an lạc, an ổn... cho đến thanh tịnh tràn đầy thuần nhất.”

Quốc vương Bà-sa Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

¹¹. Hán: nhiệm tha nhi hoạt 任他而活 . Đối chiếu Pāli: samannāgatā paṭhamena vayasā anikillāvinō kāmesu, với tuổi tráng niên đầu đời mà không đoái hoài đến các dục vọng.

¹². Bản liệt kê ba mươi hai thứ bất tịnh trong thân. Bản Hán, nhiều hơn.

“Tâm người hay phiêu nhanh. Nếu quán bất tịnh, có khi sẽ theo tướng tịnh mà hiện. Vậy còn có nhân duyên nào khiến cho Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu trong Pháp luật này, sống an lạc, an ổn... *cho đến* thanh tịnh tràn đầy thuần nhất không?”

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

“Còn có nhân duyên khác nữa. Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: ‘Các ông nên giữ gìn các căn môn, khéo thu nhiếp tâm mình. Nếu mắt thấy sắc, chớ nắm bắt sắc tướng, chớ nắm bắt hình tướng tốt đẹp, mà tăng thêm sự chấp giữ¹³. Nếu đối với mắt mà không an trụ với sự thúc liễm, những pháp ác bất thiện tham ưu thế gian sẽ lọt vào tâm mình. Cho nên các ông phải giữ gìn luật nghi của mắt. Đối tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy,... *cho đến* giữ gìn luật nghi của ý.’”

Bấy giờ quốc vương Bà-sa, Ưu-đà-diên-na hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô:

“Lành thay! Khéo nói Pháp,... cho đến giữ gìn luật nghi các căn. Bạch Tôn giả Tân-đầu-lô, tôi cũng như vậy, có khi không giữ gìn thân, không giữ gìn luật nghi các căn, khi vào cung không nhất niệm, thì tâm mình sanh ra tham dục hừng hực, ngu si thiêu đốt. Ngay khi đóng cửa phòng ở một mình, ba độc cũng lại thiêu đốt tâm mình, hướng lại là ở trong cung. Lại có lúc tôi khéo nhiếp hộ được các căn, nhiếp hộ được thân mình, chuyên tâm nhất niệm, thì khi vào trong cung, tham dục, nhuế, si không còn dấy khởi thiêu đốt tâm mình; khi ở trong cung nội còn không bị thiêu đốt thân tâm, hướng chỉ là khi ở một mình. Vì vậy cho nên do nhân này, do duyên này hay khiến cho Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn,... cho đến thanh tịnh tràn đầy thuần nhất.”

Sau khi quốc vương Bà-sa, Ưu-đà-diên-na nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

¹³. Tăng thượng chấp trì 增上執持. Về thủ hộ căn môn.

KINH 1166. VÍ DỤ TAY CHÂN¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì có tay, nên biết có lấy bỏ. Vì có chân nên biết có tới lui. Vì có các khớp nên biết có co duỗi. Vì có bụng nên biết có đói khát. Cũng vậy, Tỳ-kheo, vì có mắt nên có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khổ lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai mũi lưỡi thân ý lại cũng như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, nếu không tay thì không biết lấy bỏ. Nếu không chân thì không biết tới lui. Nếu không có các khớp thì không biết co duỗi. Nếu không có bụng thì không biết đói khát. Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu không có mắt thì không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc. Tai mũi lưỡi thân ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1167. CON RÙA¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, có đám cỏ trong sông và có con rùa sống trong bụi cỏ ấy¹⁶. Khi đó có một con dã can đói đi tìm thức ăn. Vừa thấy con rùa, nó vội nhảy tới vồ lấy. Con rùa thấy vậy, liền thu hết đầu đuôi và bốn chân vào trong mai¹⁷. Dã can canh đợi con rùa thò đầu,

¹⁴. Pāli, S.35.195-196. Hatthapādupama.

¹⁵. Pāli, S.35.199. Kumma.

¹⁶. Pāli: sāyaṃhasamayam anunadittre gocarapasuto ahoṣi, buổi chiều, nó đi dọc bờ sông để kiếm mồi.

¹⁷. Hán: tàng lục 藏六. Pāli: soṇḍipaṇcamāni aṅgāni, năm chi mà cái đầu là thứ năm.

chân ra là chụp ăn liền. Nhưng chờ lâu quá, mà nhất định rùa không thò đầu và chân ra. Dã can đói quá, tức tối bỏ đi.

“Này các Tỳ-kheo, ngày nay các ông cũng lại biết như vậy. Ma Ba-tuần luôn luôn dò xét tìm cơ hội bên các ông. Mong đợi mắt các ông đăm sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhớ pháp mà xúi dục sanh tâm đăm nhiễm sáu trần. Cho nên Tỳ-kheo, các ông phải luôn luôn giữ gìn luật nghi của mắt. Khi đã giữ gìn an trụ nơi luật nghi của mắt rồi, dù mắt có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa thì ác Ma Ba-tuần cũng không thể tìm được cơ hội. Tai mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Dù sáu căn kia có sanh khởi hoặc duyên cảnh đi nữa, thì chúng cũng không thể tìm được tiện lợi. Giống như con rùa, dã can không thể tìm được cơ hội nào.”

Bấy giờ Phật liền nói kệ:

*Rùa vì sợ dã can,
Dấu thân vào trong mai.
Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm,
Dấu kín các giác tướng.
Không nương, không sợ hãi¹⁸,
Kín tâm, chớ nói năng.¹⁹*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 1168. LÚA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁸. Pāli: anissato aññamahetḥayāno, không y tựa, không tổn thương kẻ khác. Sớ giải: taṇhādittḥhinissayehi anissito, không y tựa ái kiến.

¹⁹. Pāli: parinibbuto nūpavadeyya kañci, hoàn toàn viên tịch, không có gì chê trách. Bản Hán đọc: parinivuto, hoàn toàn được che kín.

²⁰. Pāli, S. 35. 207. Yavakalāpi.

“Thí như lúa²¹ đặt ở ngã tư đường, có sáu trảng niên cầm chày giã, trong chốc lát nát ra như bụi. Rồi người thứ bảy cầm chày giã lại. Nay các Tỳ-kheo, ý các ông thế nào, đồng lúa đã bị sáu người giã, rồi người thứ bảy giã lại, lúc này bị nát như phải không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật dạy:

“Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si bị sáu xúc nhập xứ nện đả. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường nện đả. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc nhập xứ thường nện đả. Người ngu si kia, tuy bị sáu xúc nhập xứ nện đả, nhưng vẫn còn ý niệm mong cầu sanh hữu đời vị lai²², như người thứ bảy giã lại cho nát thêm.

“Này các Tỳ-kheo, nếu nói là ngã²³, đó là dao động; nói là ngã sở, đó là dao động; vị lai sẽ hiện hữu, đó là dao động; vị lai sẽ không hiện hữu, đó là dao động; sẽ lại có sắc, đó là dao động²⁴; sẽ lại không sắc, đó là dao động; sẽ lại có tưởng, đó là dao động; sẽ lại không có tưởng, đó là dao động; sẽ lại không phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, đó là dao động. Vì dao động nên là bệnh, vì dao động nên là ung nhọt, vì dao động nên là gai nhọn, vì dao động nên là dính mắc. Chân chánh quán sát rằng vì dao động nên là khổ; do đó được tâm không dao động, tu tập nhiều, an trụ, cột niệm, chánh trí. Giống như dao động, tư lương, hư cuống²⁵ cũng như vậy.

“Vì có hành do ái. Nói ngã, đó là ái²⁶; nói ngã sở, đó là ái; nói vị

²¹. Hán: hoàng mạch 麩麥 . Pāli: yavakalāpi, bó lúa.

²². Đương lai thế hữu 當來世有 . Pāli: āyātiṃ punabbhava, hữu tái sanh trong đời tương lai.

²³. Pāli: asmī ti, iñjatam etam, nói rằng “Tôi hiện hữu”, đây là sự dao động.

²⁴. Pāli: asmī' ti...iñjitam etam, ayam aham asmī'ti ...bhavissan'ti ... Na bhavissan'ti ...rūpi bhavissan'ti ... iñjitam etam: “Tôi hiện hữu, đây là cái bị dao động (lung lay, lắc lư). Cái này là tôi... Tôi sẽ hiện hữu... Tôi sẽ không hiện hữu ... sẽ có sắc... đây là cái bị dao động.

²⁵. Tư lương, hư cuống 思量虛誑 . Pāli: asmī 'ti ... phanditam etam: Tôi hiện hữu, đây là cái bị chấn động (run rẩy); asmī'ti... papañcitam etam: tôi hiện hữu, cái này là hý luận.

²⁶. Ngã ... ái; Pāli: asmī'ti... mānagatam etam, tôi hiện hữu, cái này là mạn.

lai sẽ hiện hữu, đó là ái; nói vị lai sẽ không hiện hữu, đó là ái; nói sẽ có sắc, đó là ái; nói sẽ không có sắc, đó là ái; nói sẽ có tướng, đó là ái; nói sẽ không tướng, đó là ái; nói sẽ chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, đó là ái. Vì ái nên là bệnh, vì ái nên là ung nhọt, vì ái nên là gai nhọn. Chân chánh quán sát rằng vì dao động nên là khổ; do đó được tâm không dao động, tu tập nhiều, an trú, cột niệm, chánh trí.

“Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, A-tu-la đem quân chiến đấu với Đế Thích. Khi ấy Thiên đế Thích bảo chư Thiên Tam thập tam rằng: ‘Hôm nay chư Thiên cùng chiến đấu với A-tu-la. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la thua, thì hãy bắt sống vua A-tu-la, lấy dây cột chặt lại năm chỗ đem về cung trời.’ Vua A-tu-la cũng nói với binh chúng mình: ‘Hôm nay A-tu-la cùng chiến đấu với chư Thiên. Nếu A-tu-la thắng, chư Thiên thua, thì hãy bắt sống Thiên đế Thích, lấy dây cột chặt lại năm chỗ đem về cung A-tu-la.’

“Trong lúc đánh nhau, chư Thiên thắng, A-tu-la thua. Bảy giờ chư Thiên Tam thập tam bắt sống được vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, trói năm chỗ, đem về cung trời. Lúc này, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, thân bị trói năm chỗ, được đặt trên điện Chánh pháp, cho hưởng thụ năm thứ dục lạc của chư Thiên. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tự nghĩ: ‘Chư Thiên tuy là giỏi, nhưng chỉ có A-tu-la là hiền thiện thông tuệ hơn. Nay ta sẽ trở về cung A-tu-la.’ Trong lúc đang nghĩ như vậy, thì tự thấy thân mình năm chỗ bị dây ấy cột chặt lại, ngũ dục của chư Thiên tự nhiên biến mất.

“Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nghĩ: ‘A-tu-la tuy giỏi, nhưng chư Thiên hiền thiện trí tuệ và sáng suốt hơn, nay ta sẽ ở lại cung trời này.’ Trong lúc đang nghĩ như vậy, thì tự thấy năm chỗ thân mình dây lỏng ra, ngũ dục chư Thiên tự nhiên xuất hiện trở lại.

“Tuy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị sự cột trói vi tế như vậy, nhưng sự cột trói của Ma Ba-tuần càng vi tế hơn. Khi tâm bị dao động, thì liền theo đó bị ma cột. Tâm không dao động thì cũng liền theo đó ma cởi ra. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn trụ vào tâm không dao động, chánh niệm, chánh trí. Cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 1169. CÂY ĐÀN²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di, Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu với Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào, ở nơi sắc được nhận thức bởi con mắt mà phát sanh hoặc dục²⁸, hoặc thèm muốn, hoặc ái niệm, hoặc chỗ bị quyết định đấm trước²⁹; đối với những tâm như vậy, phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều là con đường đưa đến sợ hãi, có chướng nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, không phải chỗ nương tựa của người thiện. Cho nên, phải tự phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Thí như người nông phu có đám mạ tốt, mà người giữ ruộng thì lưỡi biếng, buông lung, để trâu vào ăn lúa mạ. Phàm phu ngu si cũng lại như vậy, sáu xúc nhập xứ... cho đến buông lung cũng lại như vậy.

“Đám mạ tốt, nếu người giữ ruộng tâm không buông lung, thì trâu không ăn được. Giả sử có vào ruộng cũng bị đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử đa văn, đối với công năng ngũ dục phải khéo tự nhiếp hộ, tinh chỉ hết, khiến cho diệt tận.

“Đám mạ tốt, người giữ ruộng không tự buông lung, thì nếu trâu vào ruộng, sẽ dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi nện sả vào thân, đuổi ra khỏi ruộng. Nay các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị thống khổ vậy rồi, thì từ làng về nhà, từ nhà ra làng, có còn dám ăn lúa mạ non như lỗi trước không?”

Đáp rằng:

“Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì nó nhớ lần trước vào ruộng, đã bị cái đau khổ bởi roi vọt.

“Như vậy, nay các Tỳ-kheo, nếu tâm, ý, hay thức của Thánh đệ

²⁷. Pāli, S. 35. 205. Viñā.

²⁸. Pāli: cakkhaviññeyyesu rūpesu uppajjeyya chando: tham dục sanh khởi nơi các sắc được nhận thức bởi mắt.

²⁹. Hán: nhược dục, nhược tham, nhược nật, nhược niệm, nhược quyết định trước xứ 若欲若貪若昵若念若決定著處. Pāli: chando vā rāgo vā doso vā moho vā paṭighaṃ vāpi: dục, tham, sân, si, hận.